

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024



FIMEX VN

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Như thông lệ mỗi đầu năm, FMC có Thư tâm tình với nhà đầu tư và cổ đông, những tổ chức, cá nhân đã và đang gắn bó, đồng hành với FMC.

Rồi, ngày cuối năm 2024 đã đi qua, một chuỗi ngày dài đầy thách thức khi tôm thương phẩm giá tăng cao từ quý 3 do cung cầu trong nước trong khi giá thế giới duy trì mức trung bình thấp; đầy hồi hộp âu lo cho hai vụ kiện tôm ở thị trường Hoa Kỳ (HK); cả cảm xúc thờ phào nhẹ nhõm, năm cũ đã ở phía sau, chuẩn bị tâm thế cho hành trình năm mới với những toan tính không phải dễ dàng.

Cái không dễ dàng đó là những khó khăn năm qua sẽ còn kéo dài và chưa tiên liệu đủ những thách thức đang đợi chờ phía trước. Trong thực tế biết bao dự báo, được hình thành rất cẩn thận và mang tính khoa học, tính thực tiễn rất bài bản, nhưng cuối cùng tính chính xác chỉ còn tương đối. Chuyện này đâu lạ gì, cho nên mới có một nhận định mang tính chất đúc kết hết sức cô đọng, đó là thế giới bây giờ “biến động, bất định, phức tạp, mơ hồ”. Nội dung bốn cụm từ này diễn ra cùng lúc, biết đâu mà lần! Tình hình này khiến mọi doanh nghiệp phải luôn chú trọng tính cẩn thận, an toàn, phòng ngừa rủi ro... Nhiều cái lo quá làm sao đi nhanh, làm sao tăng tốc kịp theo dòng chảy tiến bộ của công nghệ các lĩnh vực! Nói gì nói, không thể chậm chân, không thể chần chừ, phải vừa làm vừa đúc kết kinh nghiệm và linh hoạt, uyển chuyển theo thời thế, xu thế.

Với cách nhìn đó, năm qua, FMC “chạy” cũng khá tốt, khi có sản lượng chế biến, sản lượng tiêu thụ, kim ngạch xuất khẩu đều tăng trưởng số đẹp; vượt chỉ tiêu kế hoạch. Trong giai đoạn khó khăn, kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng 25% là rất tốt, gần gấp đôi trung bình của ngành (13%). Nuôi tôm cũng đạt sản lượng cao nhất so cả hành trình. Chỉ có điều là lợi nhuận của riêng FMC không tăng trưởng tương đồng, mà còn không như kỳ vọng. Thông thường các mặt chưa tốt hay bị cho là có yếu tố khách quan! Năm qua, tôm nuôi của FMC có sản lượng tốt nhưng kích cỡ tôm nhỏ giá thấp và chi phí tăng do phải chăm sóc ao tôm kỹ lưỡng hơn, ngăn ngừa dịch bệnh. Dẫn tới góp phần làm giảm giá thành sản phẩm cuối cùng chưa nhiều. Mặt khác, vụ kiện AD và CVD diễn tiến bất ngờ, khiến chưa thể xử lý khoản tiền trích dự phòng thuế AD năm 2023 (38 tỷ) và phải nộp, trích dự phòng thuế CVD cho năm 2024 (khoảng 10 tỷ). Hai khoản tiền này làm giảm lợi nhuận tương ứng ngoài dự kiến. Nếu không có cảnh “biến động, bất định, phức tạp, mơ hồ” này, lợi nhuận FMC ổn thỏa hơn. Nhưng không sao, KAF bất ngờ tăng tốc để lợi nhuận hợp nhất vẫn vượt kế hoạch khá tốt, có thể là mức tăng 20% so năm 2023.

Không chần chừ, phải vừa làm vừa đúc kết bài học và linh hoạt với diễn tiến tình hình, FMC đã thả tôm giống cho tất cả ao nuôi trước khi kết thúc năm. Có lẽ chưa trại nuôi nào dám làm chuyện này trong mùa nghịch, nếu có thả nuôi cũng chỉ từ 20 – 50% ao nuôi mà thôi. Những ngày mưa liên tục, dai dẳng và rất lớn trung tuần tháng 12 qua là những ngày hết sức “dài” cho điều hành FMC, nhất là điều hành các trại nuôi. Yếu tay một chút là thiệt hại tiền tỷ ngay,

ở đây là hàng trăm tỷ! Nhiệt độ ao nuôi và các chỉ số cơ bản được kiểm tra liên tục giai đoạn này để có giải pháp ứng xử kịp thời, hiệu quả. Trời thương kẻ có lòng thành, đến nay, các trại nuôi đều giữ được an toàn, hứa hẹn có niềm vui mới.

Trên nền tảng thu thập đủ thông tin, sau khi phân tích, FMC quyết đoán là tìm giải pháp để FMC trở thành bị đơn bắt buộc vụ kiện AD ở PR20. Bởi FMC có nhiều lợi thế so các đồng nghiệp trong việc chứng minh với Bộ Thương mại HK (DOC) là các DN tôm Việt không bán phá giá vào thị trường HK. Việc này ngoài tự cứu mình, FMC còn góp phần cơ bản để các DN tôm Việt giữ được thị trường HK. Muốn vậy, FMC phải có sản lượng tôm tiêu thụ ở HK cao hơn các đồng nghiệp. Việc này làm tăng kim ngạch xuất khẩu nhưng thật ra vẫn còn một tỉ lệ rủi ro! Đó là thái độ trung thực của DOC hoặc DOC thay đổi cách chọn DN bị đơn bắt buộc! Trong hoàn cảnh không nhiều lựa chọn, phải quyết đoán, dĩ nhiên có tính toán rủi ro chỉ là tỉ lệ thấp mà thôi. Quyết đoán này, nếu có kết quả như kỳ vọng, FMC sẽ hoàn được các khoản trích dự phòng thuế AD vừa qua.

Cũng nên nói thêm, năm 2024 FMC đã nỗ lực không ít trong việc thực thi bộ tiêu chí DN bền vững. Cụ thể, FMC liên tục lần thứ 5 đứng trong Top 100 DN Việt bền vững do VCCI và các ban ngành liên quan thẩm định, công nhận và công bố. Điều này cũng ít nhiều nói lên là dù trong hoàn cảnh nào FMC luôn không quên con đường đã chọn của mình và nỗ lực theo đuổi tích cực, kiên trì.

Trước thềm năm mới, FMC thông tin các việc lớn đã làm trong năm, các việc đang diễn tiến và kết quả sẽ thấy trong năm 2025 và xa hơn. Hy vọng qua cơn mưa trời lại sáng, hy vọng tiền hung hậu kiệt, hy vọng đầu xuôi đuôi lọt! Hơn nữa, hy vọng năm 2025 thế giới an bình hơn, xung đột Đông Âu và Trung Đông kết thúc; để năm 2025 là năm khởi đầu cho sự tăng tốc mới của kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam, tôm Việt Nam và có FMC! Sẽ là tiền đồ, nền tảng ổn thỏa cho Chiến lược phát triển 2025-2030 của FMC.

Trên là những gì đã và đang làm đến đầu năm 2025. Bất ngờ sáng 3/4/2025 phía Hoa Kỳ đã công bố thuế đối ứng lên hàng hóa VN bán vào đây ở mức 46%. Điều này là bất ngờ, khó ai lường nổi, có thể làm tiêu tan mọi tính toán trước đó của các DN tham gia thị trường này.. Rõ ràng, thách thức nêu trên quá lớn cho việc duy trì thị trường này. Trước mắt, FMC thu thập thông tin và xử lý những gì có thể nhằm giảm thiểu thiệt hại và chờ diễn tiến mới, nhất là thêm các hành động thiện chí từ Chính phủ nhà.

Hẹn các cổ đông và nhà đầu tư ở Đại hội đồng cổ đông 2025, theo thông lệ sẽ diễn ra trong tháng 4 hàng năm.

Trân trọng và chúc mọi sự tốt lành tới mọi người.

Xin Trân trọng cảm ơn!

Chủ tịch HĐQT

Hồ Quốc Lực

I.	THÔNG TIN CHUNG:	5
1.	Thông tin khái quát:	5
2.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:	10
3.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:	12
4.	Định hướng phát triển:	15
5.	Các rủi ro:	17
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:	21
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:	21
2.	Tổ chức và nhân sự:	22
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:	28
4.	Tình hình tài chính:	29
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:	30
6.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	34
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:	38
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:	38
2.	Tình hình tài chính:	39
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:	40
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai:	41
5.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:	42
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	44
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:	44
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty	46
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	46
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY:	48
1.	Hội đồng quản trị:	48
2.	Kế hoạch hoạt động thời gian tới của BKS	55
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát	56
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH:	59
1.	Ý kiến kiểm toán	59
2.	Báo cáo tài chính được kiểm toán	59
	XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	59

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA

Tên tiếng Anh: SAO TA FOODS JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: FIMEX VN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2200208753 (Số cũ 5903000012 đăng ký lần đầu 19/12/2002, số mới 2200208753 đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 12/01/2022 do Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp)

Biểu tượng Công ty:



Slogan: “Tình tế thơm ngon, khơi nguồn cảm hứng”

Vốn điều lệ: 653.888.890.000 đồng

Địa chỉ: Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.

Số điện thoại: (0299)3822223 - 3822201

Số fax: (0299) 3822122 - 3825665

Website: www.fimexvn.com

Email: info@fimexvn.com

Mã cổ phiếu: FMC

Sàn giao dịch: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

Quá trình hình thành và phát triển:

Năm	Sự kiện
2002	Ngày 09/10/2002, UBND Tỉnh Sóc Trăng có quyết định số 346/QĐ.TCCB.02 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty thực phẩm Xuất nhập khẩu tổng hợp Sóc Trăng từ loại hình doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần.
2003	Ngày 01/01/2003, Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần với tên Công ty là: Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (Fimex VN), hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 5903000012 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19/12/2002 với vốn điều lệ 104 tỷ đồng, trong đó Nhà nước giữ 77% sở hữu.

Năm	Sự kiện
	Ngày 22/1/2003, Công ty rút vốn điều lệ xuống 60 tỷ, phần vốn Nhà nước còn 60%.
2005	Ngày 09/08/2005, Công ty thực hiện đấu giá 11 % vốn điều lệ để giảm tỷ lệ sở hữu Nhà nước xuống còn 49%.
2006	Ngày 22/06/2006 tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh), Công ty tiếp tục đấu giá bán 16 tỷ đồng vốn sở hữu Nhà nước. Ngày 7/12/2006, cổ phiếu Công ty được niêm yết lần đầu trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán FMC. Tổng số lượng niêm yết là 6 triệu cổ phiếu, trong đó Nhà nước nắm giữ 20%.
2007	Công ty tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 79 tỷ đồng thông qua việc thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, thưởng cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt của Công ty và phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược. Ngày 20/07/2007, Công ty tiếp tục niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu là 900.000 cổ phiếu.
2008	Ngày 21/05/2008, cổ phiếu FMC chính thức được niêm yết bổ sung thêm cổ phiếu theo Công văn chấp thuận số 447/TB-SGDHCM ngày 19/05/2008 của HOSE, nâng tổng số lượng cổ phiếu FMC được niêm yết tại HOSE là 7.900.000 cổ phiếu.
2009	Để đáp ứng điều kiện vốn điều lệ tối thiểu 80 tỷ đồng đúng theo quy định nhằm duy trì niêm yết cổ phiếu FMC tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của Luật Chứng khoán, đến tháng 02/2009, Công ty phát hành thêm cổ phiếu với tổng giá trị 1 tỷ đồng, tăng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng, trong đó vốn Nhà nước chiếm 17,25%. Tháng 05/2009, FMC chính thức nâng tổng số cổ phiếu được niêm yết lên 8.000.000 cổ phiếu.
2011	Công ty đã thực hiện đăng ký với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc bán 777.370 cổ phiếu quỹ để có nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, do giá cổ phiếu FMC trên thị trường chứng khoán không đạt theo yêu cầu mong đợi nên giao dịch chưa được hoàn thành. Đến năm 2014, Công ty mới bán hết lượng cổ phiếu quỹ đã đăng ký.
2013	Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường diễn ra ngày 10/11/2012, thời điểm cuối tháng 03/2013, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 5.000.000 cổ phiếu cho đối tác chiến lược là Công ty Cổ phần Hùng Vương, nâng tổng vốn điều lệ của FMC lên 130 tỷ đồng, trong đó vốn Nhà nước chiếm 10,62%. Tháng 04/2013, cổ phiếu FMC tiếp tục niêm yết bổ sung 5.000.000 cổ phiếu, nâng tổng số lượng niêm yết lên 13.000.000 cổ phiếu.
2014	Công ty đã phát hành thành công 7 triệu cổ phiếu, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 130 tỷ lên thành 200 tỷ đồng. Việc phát hành này đã thực hiện xong tại thời điểm 31/12/2014.

Năm	Sự kiện
2015	Nhận thấy tình hình nuôi tôm đang phát triển, từ đầu năm 2015, FMC đưa thêm nhà máy chế biến tôm đông lạnh mới xây xong vào hoạt động, tăng công suất chế biến thêm 60%. Tháng 03/2015, Công ty đã hoàn thành việc niêm yết và lưu ký bổ sung đối với 7 triệu cổ phiếu vừa phát hành trong năm 2014.
2016	Thực hiện theo Nghị quyết số 13/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ bất thường năm 2015, Công ty phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu được mua 1 cổ phiếu mới) để tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ lên 300 tỷ đồng. Việc phát hành 10 triệu cổ phiếu mới hoàn thành trong tháng 04/2016 và niêm yết, lưu ký bổ sung trong tháng 5/2016.
2017	Theo Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ thường niên 2017, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 9.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ từ 300 tỷ lên 390 tỷ đồng.
2018	Theo Nghị quyết số 16/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ thường niên 2018, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 1.200.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2018, nâng vốn điều lệ từ 390 tỷ lên 402 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Tập đoàn Pan trở thành cổ đông chiến lược của FMC.
2019	Thực hiện theo Nghị quyết số 17/NQ ĐHĐCĐ ngày 05/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 402 tỷ lên 490,44 tỷ đồng bằng việc hoàn thành đợt phát hành 8.040.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành 804.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty.
2021	Phát hành ra công chúng số lượng 9.806.000 cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/10/2020, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 588.500.000.000 đồng; Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược số lượng 6.538.889 cổ phiếu theo Nghị quyết số 21/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/11/2021 theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, nâng vốn điều lệ Công ty lên 653.888.890.000 đồng.
2023	Nhà máy mới STSE tại Khu công nghiệp An Nghiệp đã chính thức đi vào hoạt động ngày 12/01/2023, đánh dấu mốc quan trọng trong chiến lược phát triển của Công ty. Với trang thiết bị hiện đại và công nghệ tiên tiến, nhà máy mới sẽ giúp Công ty nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường. Bên cạnh đó, Công ty đã hợp tác với Khang An để thả nuôi tôm trên diện tích 52 hecta và cơ bản hoàn tất việc tham gia vốn và thả nuôi tại trại tôm Vĩnh Thuận rộng 203 hecta. Theo đó, việc mở rộng diện tích vùng nuôi giúp Công ty chủ động nguồn nguyên liệu, đảm bảo chất lượng sản phẩm và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Tình hình hoạt động:
 - Trong thời gian hoạt động từ năm 1996 đến nay, Công ty làm ăn đều tốt và có lãi. Ngay năm hoạt động thứ 2, Công ty đã thu hồi vốn đầu tư ban đầu và đứng vào Top 5 doanh nghiệp có

kim ngạch xuất khẩu tôm lớn nhất cả nước, kéo dài từ 1997 đến nay. Nhiều năm liền, Công ty dẫn đầu cả nước về lượng tôm tinh chế xuất vào thị trường Nhật Bản.

- Về mặt uy tín thương hiệu và hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty nằm trong Top dẫn đầu. 8 năm từ 1997 đến 2004 và năm 2006, Công ty được Chính phủ tặng thưởng cờ thi đua. Ngoài ra, Công ty đạt doanh nghiệp uy tín xuất khẩu trong nhiều năm liền.
- FMC có vùng nuôi tôm riêng rộng 250 hecta, đạt chuẩn BAP, ASC nhằm tạo thêm an tâm về tôm sạch cho khách hàng.
- Năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc xây dựng cơ bản Nhà máy Thủy sản Tin An và đang cho tiến hành chạy thử. Kể từ ngày 01/01/2018, Nhà máy đã chính thức đưa vào hoạt động.
- Năm 2019, nhằm hoàn thiện mô hình tổ chức và nâng cao vai trò các đơn vị trực thuộc có quy mô lớn, Công ty đã thành lập 02 chi nhánh trực thuộc. Nhà máy Thủy sản Nam An được đặt tại trụ sở chính của Công ty có chức năng thu mua, chế biến các mặt hàng thủy sản đông lạnh xuất khẩu. Xí nghiệp nuôi Thủy sản Xuân Phú tại thửa số 1, bản đồ số 13 tại ấp Tấn Nam, xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng nhằm thử nghiệm các giải pháp nuôi thủy sản an toàn, bền vững, hiệu quả. Ngoài ra, Công ty tiến hành đầu tư, mở rộng diện tích nuôi tôm tại khu đất bên cạnh khu nuôi tôm TaNa Farm tại xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Khu nuôi mới này có diện tích hơn 81 hecta, dự kiến hoàn thành và bắt đầu thả nuôi vào quý 2/2020. Đồng thời đó, Công ty cũng đầu tư kho lạnh 6000 tấn tại Khu Công nghiệp An Nghiệp tỉnh Sóc Trăng và cũng dự kiến đưa vào hoạt động trong quý 2/2020.
- Năm 2023, Công ty tiến hành hoạt động nuôi trồng ở khu mới Vinafarm 200 ha và hoàn tất thả nuôi trong tháng 7. Ngoài ra, Công ty nhận thấy nhiệt độ vào cuối năm sẽ cao hơn trung bình 2°C nên đã quyết định nuôi tôm mùa nghịch, bắt đầu thả giống vào tháng 11 và hoàn tất trong tháng 12 để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho các nhà máy. Kết quả vụ nuôi này đã thu hoạch được kết quả đáng kể góp phần không nhỏ vào hiệu quả chung của toàn Công ty trong năm 2024.
- Năm 2024 ở giai đoạn tháng 11,12 cũng thả nuôi vụ nghịch nhằm đón đầu thu hoạch tôm ở quý 1 năm 2025 do giai đoạn này rất ít tôm. Tuy kết quả thu hoạch không được tốt như nuôi vụ 1 năm 2024 do dịch bệnh từ tôm giống nhưng vẫn đạt hiệu quả và góp phần không nhỏ vào kết quả hoạt động SXKD của Công ty.

- **Trong quá trình hình thành và phát triển, FMC đã vinh hạnh nhận được các danh hiệu cao quý như:**

STT	Giải thưởng
1	Huân chương Lao động hạng II năm 1998;
2	Danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới năm 2000;
3	Cúp Phù Đồng năm 2005 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam khen thưởng;
4	Bộ Lao động và Thương binh xã hội phối hợp cùng Bộ Thương mại, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khen thưởng 01 trong 100 doanh nghiệp sử dụng lao động tiêu biểu trong cả nước.
5	Huân chương Lao động hạng I năm 2005;

STT	Giải thưởng
6	Cúp vàng vì sự nghiệp phát triển cộng đồng năm 2006;
7	Công ty được Chính phủ 9 lần tặng thưởng Cờ Thi đua (liên tục 8 năm liên từ năm 1997 đến năm 2004 và năm 2006).
8	UBND tỉnh Sóc Trăng trao tặng cờ thi đua vì thành tích hoạt động tốt và tích cực tham gia công tác phúc lợi xã hội địa phương;
9	Kỷ niệm chương vì thành tích xuất khẩu ở Hiệp hội VASEP;
10	Nhiều năm liên Công ty đạt thành tích “Doanh nghiệp vì người lao động”;
11	Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen vì đã tích cực hưởng ứng cuộc vận động “Xây dựng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam” do Thủ tướng Chính phủ phát động trong giai đoạn 2016 – 2020;
12	UBND tỉnh Sóc Trăng tặng bằng khen “Đạt thành tích trong phong trào thi đua Doanh nghiệp Việt Nam hội nhập và phát triển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đến nay 2020”;
13	UBND tỉnh Sóc Trăng tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong thời gian phòng, chống dịch Covid-19 tại tỉnh Sóc Trăng năm 2020;
14	UBND tỉnh Sóc Trăng tặng Cờ thi đua đạt thành tích xuất sắc trong đợt thi đua đặc biệt năm 2020;
15	Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen vì đã tích cực hưởng ứng cuộc vận động “Xây dựng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam” do Thủ tướng Chính phủ phát động trong giai đoạn 2016 – 2020.
16	Liên đoàn Lao động tỉnh Sóc Trăng tặng bằng khen Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2016-2020.
17	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam tặng bằng khen “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác phối hợp chỉ đạo và tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHYT từ năm 2020 đến năm 2021”
18	Bộ Công Thương công nhận sản phẩm tôm của FMC đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2022;
19	Forbes Việt Nam xếp “25 thương hiệu dẫn đầu trong ngành hàng tiêu dùng đồ uống và thực phẩm năm 2022”.
20	2 năm liên tiếp được Tạp chí Nhịp cầu đầu tư xếp “Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2022 và năm 2023”
21	4 năm liên tiếp được Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam thuộc VCCI xếp “Top 100 doanh nghiệp bền vững”; đặc biệt năm 2022 và 2023 lọt vào “Top 10 doanh nghiệp bền vững trong lĩnh vực sản xuất”.

STT	Giải thưởng
22	FMC đã vượt qua hàng trăm doanh nghiệp để ghi danh vào Top 100 Doanh nghiệp Phát triển Bền vững trong năm thứ 5 liên tiếp. Đặc biệt, công ty còn xuất sắc được vinh danh trong Top 5 "Doanh nghiệp tiên phong xây dựng giá trị Đa dạng, Công bằng và Bao trùm".

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh:

Hiện tại, doanh thu của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta đến từ các lĩnh vực kinh doanh chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản. Ngoài ra, Công ty còn kinh doanh các ngành nghề kinh doanh được đăng ký gồm:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
1	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020 (Chính)
2	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
3	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
4	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
5	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa	1702
6	In ấn Chi tiết: dịch vụ in ấn, dịch vụ xuất bản bao bì	1811
7	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: sản xuất bao bì từ plastic	2220
8	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: xuất khẩu, bán buôn mặt hàng thủy sản, nông sản (ngoại trừ gạo, đường mía và đường củ cải, thuốc lá)	4632
9	Bán buôn đồ uống	4633
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ trong ngành chế biến	4659
11	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
12	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
13	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
14	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (ngoại trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810
15	Cho thuê xe có động cơ	7710

b. Các sản phẩm tiêu biểu

Danh sách sản phẩm của FMC được chứng nhận đảm bảo an toàn về sinh thực phẩm, thơm ngon, bổ dưỡng. Đồng thời, Công ty luôn đảm bảo các khách hàng sử dụng dễ dàng trong truy xuất nguồn gốc nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững.

- Các sản phẩm từ tôm:
 - Tôm ép duỗi: Tôm Vannamei ép duỗi; Tôm sú ép duỗi
 - Tôm tươi: Tôm Vannamei PDTO tươi; Tôm sú PDTO tươi; Tôm sú vỏ tươi; Tôm sú nguyên con tươi; Tôm sú nguyên con lột giữa tươi; Tôm sú PD xẻ lưng tươi; Tôm Vannamei vỏ tươi; Tôm Vannamei PDTO tươi
 - Tôm hấp chín: Tôm Vannamei hấp vỏ; Tôm sú hấp vỏ; Tôm Vannamei PTO hấp; Tôm hấp xếp vòng; Tôm hấp xếp vòng bán nguyệt; Tôm vannamei PD hấp
 - Tôm tẩm bột (tươi): Tôm Vannamei PDTO tẩm bột; Tôm Vannamei PD tẩm bột; Tôm sú PDTO tẩm bột; Tôm Vannamei PTO tẩm bột dứa; Tôm Vannamei xẻ bướm tẩm bột; Tôm sú nguyên con tẩm bột; Tôm sú PTO bướm tẩm bột; Tôm sú nguyên con bướm tẩm bột
 - Tôm tẩm bột chiên: Tôm Vannamei Fritter tẩm bột chiên; Tôm Vannamei PTO bướm tẩm bột chiên
- Các sản phẩm từ nông sản
 - Rau củ đông lạnh
 - Nông thủy sản phối chế chiên

c. Địa bàn kinh doanh:

Hai mảng sản xuất kinh doanh chính của Công ty là mặt hàng tôm đông lạnh và nông sản xuất khẩu hoạt động chủ yếu tại địa bàn tỉnh Sóc Trăng bao gồm cả các chi nhánh trực thuộc như sau:

- Xí nghiệp nuôi Thủy sản Xuân Phú. Địa chỉ: tại thửa số 1, bản đồ số 13 tại Ấp Tân Nam, Xã Vĩnh Tân, Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng.

Xí nghiệp này thực hiện chức năng nuôi tôm tại các khu nuôi là VINA FARM, TANA FARM, VITA FARM, K.A FARM và HONO FARM.

- 06 nhà máy:

NHÀ MÁY	ĐỊA CHỈ	CÔNG SUẤT THIẾT KẾ (tấn thành phẩm/năm)	SẢN PHẨM CHỦ LỰC
1. Nam An	Km 2132, Quốc lộ 1A, P. 2, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	20.000	Tôm block, tôm duỗi, tôm IQF, tôm tẩm bột và tôm chiên
2. Tin An	Lô N, KCN An Nghiệp, X.An Hiệp, H. Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng	3.000	Tôm tẩm bột, tempura và tôm chiên
3. Sao Ta	Lô K, KCN An Nghiệp, Phường 7, TP Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	15.000	Tôm duỗi, tôm IQF (tươi, luộc)

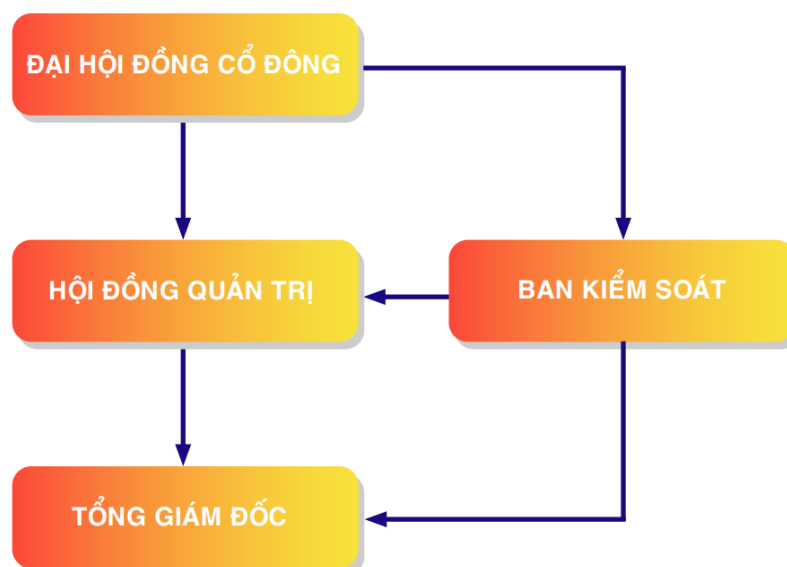
NHÀ MÁY	ĐỊA CHỈ	CÔNG SUẤT THIẾT KẾ (tấn thành phẩm/năm)	SẢN PHẨM CHỦ LỰC
4. An San	Lô B KCN An Nghiệp, X.An Hiệp, H. Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng	3.000	Chế biến rau củ quả các loại như hấp, tẩm bột chiên, kakiage
5. Tam An	Lô B KCN An Nghiệp, X.An Hiệp, H. Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng	5.000	Tôm tẩm bột, chiên, hàng phối chế
6. Kim An	Đường N1, Lô B, KCN An Nghiệp, X.An Hiệp, H. Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng	6.000	Tôm IQF, tôm đông block

Doanh thu từ măng xuất khẩu là nguồn thu chính của FIMEX VN. Trong đó, thị trường chủ yếu của Công ty là Nhật Bản, ngoài ra còn các thị trường khác như Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Vương quốc Anh (Công ty con KAF),...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

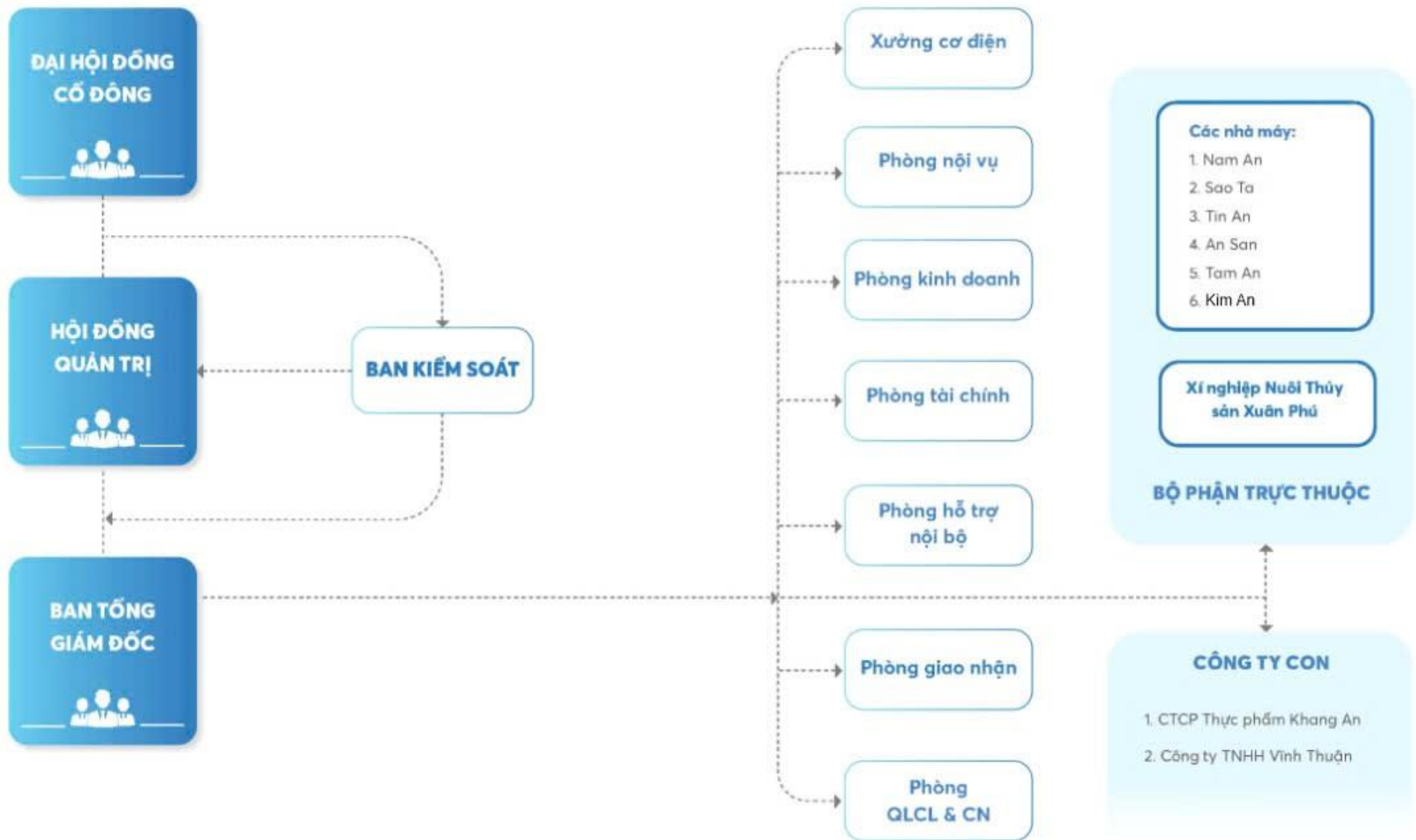
a. Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta được thiết kế theo mô hình tổ chức và quản lý tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 bao gồm: Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát. Sơ đồ cụ thể được trình bày dưới đây:



b. Cơ cấu bộ máy quản lý

Việc quản lý của Công ty được xây dựng theo nguyên tắc từ trên xuống dưới. Phân công quyền hạn/trách nhiệm cụ thể cho từng bộ phận/cá nhân một cách công khai, minh bạch, đúng người đúng việc. Các bộ phận/cá nhân cũng có thể hỗ trợ nhau trong quá trình thực thi, triển khai công việc để đạt hiệu quả nhanh và cao nhất.



Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, cụ thể bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng và bộ phận trực thuộc.

- **Đại hội đồng cổ đông** là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty, quyết định định hướng phát triển ngắn, dài hạn, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
- **Hội đồng quản trị** gồm có 06 thành viên trong đó 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 04 Thành viên. HĐQT là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- **Ban Kiểm soát** là tổ chức thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên: 01 Trưởng ban và 02 Thành viên.
- **Ban Tổng giám đốc** gồm 05 thành viên (01 Tổng giám đốc và 04 Phó Tổng giám đốc), 01 Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc Công ty là người đại diện pháp nhân của Công ty trong mọi giao dịch, quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về trách nhiệm quản lý điều hành Công ty. Các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty là người giúp Tổng Giám đốc điều hành doanh nghiệp theo sự phân công, ủy quyền từ Tổng Giám đốc.
- **Các phòng ban chức năng và bộ phận trực thuộc** có chức năng hỗ trợ cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được vận hành tốt. Công ty gồm có các phòng ban chức năng và bộ phận trực thuộc như sau: Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính, Phòng Kinh doanh, Phòng Giao nhận, Phòng Quản lý chất lượng, Xưởng Cơ điện, Xưởng chế biến, Xí nghiệp Thủy sản Sao Ta, Nhà máy Thủy sản Tin An, Nhà máy Thủy sản Nam An, Xí nghiệp Nuôi thủy sản Xuân Phú.

c. Các công ty con, công ty liên kết:

- **Công ty con:**
 - Công ty cổ phần Thực phẩm Khang An
 - + Địa chỉ: Đường N2, Lô B Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
 - + Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Gieo trồng, chế biến nông sản.
 - + Vốn điều lệ: 350.000.000.000 đồng
 - + Tỷ lệ Công ty sở hữu: 51,54% trên vốn điều lệ
 - + Tỷ lệ Công ty có quyền biểu quyết: 51,54% trên vốn điều lệ
 - Công ty TNHH Vĩnh Thuận
 - + Địa chỉ: Khóm Biên Trên, Phường Vĩnh Phước, Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
 - + Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Nuôi trồng thủy sản nội địa
 - + Vốn điều lệ: 111.000.000.000 đồng
 - + Tỷ lệ Công ty sở hữu: 99,099% trên vốn điều lệ
 - + Tỷ lệ Công ty có quyền biểu quyết: 100% trên vốn điều lệ

- **Công ty liên kết:** Không có

4. Định hướng phát triển:

a. Sức mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi

- *Sức mạng*

Bằng chính sự trân trọng và đầy trách nhiệm của mình đối với cuộc sống con người, môi trường và sự nỗ lực không ngừng để đạt được chứng nhận bởi các hệ thống quản lý chất lượng chuẩn mực, Chúng tôi cam kết tạo ra nhiều giá trị tốt đẹp hơn với các bên tham gia và có liên quan tới chuỗi giá trị sản phẩm, chú trọng an toàn thực phẩm, hướng đến phát triển bền vững, phát huy những phẩm chất tốt đẹp của lao động Việt gửi gắm qua từng sản phẩm nông thủy sản chế biến giàu dinh dưỡng, mẫu mã phong phú, đẹp mắt. Qua đó cũng góp phần nâng tầm thương thức của người tiêu dùng, tiếp nối và làm rạng danh sứ mệnh cao cả của Tập đoàn PAN - **“Sinh ra để nuôi dưỡng thế giới”**.

- *Tầm nhìn*

Quảng bá những phẩm chất tốt đẹp cần mẫn, sáng tạo, có trách nhiệm của người Việt; nét văn hóa tinh tế, khoa học của ẩm thực Việt; để thực phẩm Việt không chỉ là nguồn dinh dưỡng, nguồn năng lượng mà còn là nguồn cảm hứng cho người tiêu dùng trên thế giới. Góp phần nâng cao vị thế và uy tín nông thủy sản Việt trên trường quốc tế.

- *Giá trị cốt lõi*

- **Chất lượng:**

Sản phẩm: An toàn, thơm ngon bổ dưỡng.

Công việc: Ý thức trách nhiệm cao.

- **Bền vững:**

Coi trọng minh bạch, tầm nhìn dài hạn.

Ý thức kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường.

- **Đạo đức:**

Thực thi nghiêm pháp luật.

Coi chữ Tín là hàng đầu trong kinh doanh.

- **Chia sẻ:**

Quan tâm chăm lo khách hàng, người lao động.

Chia sẻ đồng nghiệp, cộng đồng.

b. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Trong suốt chặng đường hình thành và phát triển, FMC luôn gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội, ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của FMC. Trong đó, mục tiêu kinh tế được xem là mục tiêu quan trọng tiên quyết hàng đầu vì việc thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần và đủ để thực hiện tiếp nối các mục tiêu xã hội, môi trường. Theo đó, Công ty xác định mục tiêu chiến lược là tập trung vào chuỗi giá trị thực phẩm ngon, bổ dưỡng, thông qua tác động

kích thích đến các khâu có liên quan như nuôi, gieo trồng, khai thác, bảo quản sau thu hoạch, dịch vụ, thương mại... Song song với đó, Công ty kết hợp giữa phát triển chiều sâu và chiều rộng, mở rộng chủng loại sản phẩm; Duy trì và phát triển chất lượng sản phẩm xanh, sạch; Đáp ứng các tiêu chí phúc lợi động vật trong nuôi tôm. Qua đó, Fimex VN giữ vững uy tín thương hiệu, hình ảnh doanh nghiệp thủy sản hàng đầu trong ngành, đồng thời giải quyết nhu cầu việc làm cho người lao động và đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, xã hội.

Mục tiêu cụ thể:

- Địa chỉ tin cậy, yêu chuộng của người tiêu dùng;
- Tăng trưởng doanh thu khoảng 10%/năm;
- Giữ vững và phát triển quy mô tài sản trên nền tảng đạt tỷ suất lợi nhuận khoảng 4% doanh thu;
- Top 2 những doanh nghiệp tôm quy mô lớn nhất nước;
- Top 3 những nhà xuất khẩu tôm Việt lớn nhất.

c. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Dựa trên mục tiêu chiến lược tập trung vào chuỗi giá trị, FMC xác định chất lượng sản phẩm chính là tiêu chí tiên quyết xuyên suốt trong quá trình hoạch định và thực hiện các chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Đặc biệt, yếu tố vệ sinh an toàn thực phẩm được ưu tiên hàng đầu, bắt đầu từ cơ sở con giống, nguyên liệu đầu vào đảm bảo các tiêu chí của Công ty, đến quá trình xử lý, đóng gói và bảo quản sản phẩm tại các xí nghiệp, nhà máy, kho lạnh.

Ngoài ra, hình ảnh thương hiệu uy tín là yếu tố quan trọng trong hoạt động thương mại quốc tế, FMC luôn lấy tiêu chí **“AN TOÀN – THƠM NGON, BỔ DƯỠNG - TRUY XUẤT THUẬN LỢI - ĐÁP ỨNG CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG”** làm cam kết cao nhất của Công ty đối với khách hàng về sản phẩm của Công ty và mọi nhân viên Công ty đều phải nỗ lực thực hiện. Đồng thời, Công ty cũng chủ động tập trung xây dựng thương hiệu cho hai sản phẩm tôm và nông sản nhằm tăng sức cạnh tranh tại các thị trường xuất khẩu thông qua hệ thống phân phối cấp cao; Chú trọng khách hàng có mối quan hệ thương mại tốt và lâu dài trên nền tảng hợp tác xây dựng chiến lược kinh doanh mang lại lợi ích hài hòa cho đôi bên.

Bên cạnh đó, tùy theo từng giai đoạn, Công ty nghiên cứu các sản phẩm xanh, sạch, mới và thiết kế cơ sở vật chất sản xuất trên cơ sở nhu cầu thị trường và các thế mạnh của Công ty, địa phương. Song song phát triển sản phẩm, các giải pháp về cơ giới hóa, tự động hóa, chuyển đổi số trong quá trình chế biến lẫn nuôi trồng luôn được FMC theo đuổi và thực hiện nhằm mục đích tăng năng suất, tiết kiệm chi phí, đem lại lợi ích lớn hơn cho khách hàng và cổ đông.

Mặt khác, để đảm bảo cho mục tiêu phát triển bền vững, Sao Ta chú trọng vào xây dựng các chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho nhân viên trong Công ty, thu hút nhân tài; Duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động, chương trình chăm lo sức khỏe, đời sống cho người lao động; Tuyên truyền các hoạt động nâng cao hiểu biết người lao động về kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và thực thi theo khả năng; Xây dựng, củng cố các giá trị cốt lõi văn hóa doanh nghiệp, giữ vững đạo đức kinh doanh. Đồng thời, các hoạt động của Công ty luôn gắn liền với bảo vệ môi trường, tiết kiệm nguyên vật liệu, sử dụng máy móc, thiết bị công nghệ sạch.

Theo đó, Sao Ta xác định các mục tiêu cụ thể cho chiến lược phát triển tới năm 2030 như sau:

- Giai đoạn 2021-2025: nâng tầm vai trò nuôi tôm, coi đây là một mảng kinh doanh chính và sắp xếp lại tổ chức; Chú trọng tăng thêm khách hàng để doanh số đạt chỉ tiêu 300 triệu USD năm 2025.
- Giai đoạn 2026-2030: tập trung vào chuyển đổi số, hoạt động xanh, sạch; Tập trung mảng nuôi tôm và coi trọng sự phát triển đồng bộ của toàn bộ các đơn vị; Phân đầu vào top 2 các doanh nghiệp tôm quy mô lớn nhất nước.

d. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Đối với FMC, bảo vệ môi trường và phát triển xã hội là hai trong ba mục tiêu phát triển bền vững tới năm 2030 của Công ty, cụ thể:

- ***Đối với bảo vệ môi trường:***

Hoạt động sản xuất tôm nguyên liệu của FMC gắn liền với môi trường trong mối quan hệ phụ thuộc và tác động qua lại lẫn nhau. Do đó, Công ty luôn có những chính sách, dự án bảo vệ môi trường như: Đầu tư vùng nuôi đạt tiêu chuẩn ASC, BAP; Mật độ thả tôm vừa phải theo khuyến cáo để góp phần duy trì môi trường sinh trưởng tốt hơn cho tôm nuôi; Kiểm soát nước thải vùng nuôi không gây ô nhiễm,... Ngoài ra, để cân bằng phát thải cho khu nuôi tôm, Công ty đã kiến nghị với chính quyền địa phương để được giao chăm sóc và phát triển rừng phòng hộ, mục tiêu tới 2050 có ít nhất 200 hecta. Bên cạnh đó, FMC cũng tích cực tìm kiếm và thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng điện nước hiệu quả tại các nhà máy sản xuất; Định kỳ Đánh giá việc xả thải để có biện pháp xử lý kịp thời và giảm thiểu gây ô nhiễm môi trường; Tuyên truyền các hoạt động nâng cao hiểu biết người lao động về kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và thực thi theo khả năng.

- ***Đối với phát triển xã hội:***

Là một trong những doanh nghiệp thủy sản hàng đầu cả nước, Sao Ta luôn quan tâm và chia sẻ lợi ích đến cộng đồng địa phương trong quá trình hoạt động, trong đó người lao động của Công ty là đối tượng được ưu tiên hàng đầu. Công ty luôn đặt mục tiêu duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động, chương trình chăm lo sức khỏe, đời sống cho người lao động nhằm đảm bảo cuộc sống của người lao động và gia đình trên mức sống trung bình so với những đơn vị cùng ngành, địa bàn, cùng vị thế xã hội. Mặt khác, thông qua các hoạt động thiện nguyện, chương trình, hoạt động an sinh xã hội, FMC thể hiện trách nhiệm với cộng đồng xã hội. FMC thường xuyên tham gia các hoạt động hướng đến xã hội như hỗ trợ trồng rừng ven biển; Hỗ trợ nạn nhân chất độc màu da cam; Hỗ trợ cho trẻ em khuyết tật; Xây dựng nhà tình thương, trường học; Tài trợ xe đạp cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn hiếu học; Hỗ trợ kinh phí phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Hỗ trợ cho đồng bào miền Trung,....

5. Các rủi ro:

a. Rủi ro kinh tế

Tôm và nông sản là hai sản phẩm xuất khẩu chính của FMC chiếm trên 95% doanh số xuất khẩu của Công ty. Do đó, tình hình kinh tế của các thị trường xuất khẩu chủ lực như Nhật Bản, Hoa Kỳ, EU, Úc và Hàn Quốc ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tăng trưởng kinh tế tốt sẽ gia tăng thu nhập của người dân, từ đó thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng, đặc biệt là đối với các sản phẩm cao cấp. nắm giữ lợi thế về các sản phẩm chế biến sâu như tôm hấp chín, tôm tẩm bột tươi, tôm tẩm bột chiên,... Ngược lại tăng trưởng kinh tế không tốt làm khả năng tiêu thụ tại các thị trường bị hạn chế chuyển sang

tiêu dùng các sản phẩm giá rẻ hơn. FMC càng phụ thuộc mạnh mẽ vào sự tăng trưởng kinh tế quốc tế.

Năm 2024, Thế giới còn bất ổn, lạm phát và suy thoái còn tác động tiêu cực, khiến sức mua chưa phục hồi đáng kể ảnh hưởng trực tiếp đến giá bán sản phẩm tại các thị trường.

Giải pháp khắc phục:

Để hạn chế tác động tiêu cực từ tình hình kinh tế quốc tế khó khăn, FMC liên tục theo dõi, cập nhật nhu cầu thị trường, đồng thời linh hoạt điều chỉnh chiến thuật kinh doanh. Mặt khác, Công ty thường xuyên tham khảo ý kiến của các chuyên gia, khách hàng nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng các tiêu chí phát triển xanh, phát triển bền vững, nắm bắt xu thế tất yếu “sản xuất xanh, tiêu dùng xanh, sống xanh” của thế giới. Nhờ vậy, FMC có thể giữ vững vị thế, thương hiệu hàng đầu và duy trì lợi nhuận trong bối cảnh kinh tế bất ổn.

b. Rủi ro pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty niêm yết trên hệ thống giao dịch của sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, FMC phải chịu sự kiểm soát của các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động, ... và các văn bản dưới Luật có liên quan. Các tiêu chuẩn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đang ngày càng được UBCKNN siết chặt trong bối cảnh phấn đấu đến năm 2025 nâng hạng TTCK Việt Nam từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi theo tiêu chuẩn phân hạng TTCK của các tổ chức quốc tế. Nhìn lại trong năm 2024, trên phương tiện đại chúng đã có hàng trăm quyết định xử phạt được ban hành liên quan đến vi phạm công bố thông tin, trong đó, 4 quyết định xử phạt liên quan tới hành vi thao túng cổ phiếu.

Ngoài ra với đặc thù là doanh nghiệp xuất khẩu chủ yếu sang các thị trường Nhật Bản, Mỹ, EU, Úc và Hàn Quốc, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của các chính sách, pháp luật và các quy định khác do Chính phủ của các quốc gia này ban hành. Năm 2024 đặc biệt đối với thị trường Mỹ phát sinh thêm việc quy định xem xét loại thuế chống trợ cấp (CVD) ngoài thuế chống bán phá giá (AD) làm cho rủi ro này vô cùng lớn và khó lường.

Giải pháp khắc phục:

Tuân thủ luật pháp là một trong những giá trị đạo đức của Công ty, được cụ thể hóa trong các quy định và bản sắc văn hóa FMC. Để hạn chế rủi ro pháp luật có thể xảy ra, Công ty luôn thực hiện rà soát, xây dựng và hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy trình nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và hoạt động của Công ty; Rà soát, xem xét và cân nhắc 100% các hợp đồng và thỏa thuận được ký kết; Cập nhật các thay đổi của pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty và phổ biến đến từng bộ phận, chức năng chuyên môn.

c. Rủi ro cạnh tranh

Rủi ro cạnh tranh của FMC thể hiện ở cả 2 mặt: cạnh tranh giữa các doanh nghiệp chế biến tôm trong nước và cạnh tranh với các doanh nghiệp xuất khẩu tôm trên thế giới. Trên thị trường quốc tế, đặc biệt là Hoa Kỳ và EU, sản phẩm tôm đông lạnh của Việt Nam kém cạnh tranh so với các nước Ecuador và Ấn Độ do các nước này sở hữu lợi thế cạnh tranh giá rẻ, cùng tỷ lệ nuôi thành công cao, trong khi tôm Việt Nam giá thành sản xuất cao do vẫn chưa tự chủ được con giống và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, cộng với tỷ lệ nuôi thành công còn thấp. Thế mạnh của doanh nghiệp xuất khẩu tôm Việt nằm ở phân khúc chế biến sâu, giá thành cao, do đó, khi lạm phát ăn mòn vào thu nhập của người dân các nước này,

xu hướng chuyển sang tiêu dùng tôm giá rẻ đã khiến thị phần tôm Việt bị giảm sút đáng kể. Mặt khác, triển vọng kinh doanh tại các thị trường ở xa không mấy khả quan, cộng với chi phí vận chuyển biến động mạnh quanh yếu tố xung đột chính trị, một số doanh nghiệp Việt chuyển hướng về các thị trường gần như Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc,... trong đó, Nhật Bản là thị trường chủ lực của FMC với thị phần xuất khẩu ở vị trí thứ hai. Do đó, FMC chịu sự cạnh tranh không nhỏ đối với phân khúc tôm chế biến và tôm đông lạnh.

Giải pháp khắc phục:

Nhận thức được thế mạnh riêng cũng như rủi ro cạnh tranh mà Công ty phải đối mặt, FMC đề ra các giải pháp như: Cải tiến những sản phẩm hiện tại và phát triển sản phẩm mới, mẫu mã đẹp, tăng tỷ trọng chế biến hàng giá trị gia tăng; Tập trung vào phân khúc cao cấp để tăng khả năng cạnh tranh đối với các thị trường khó tính như Nhật Bản, EU, Mỹ,...; Theo đuổi các tiêu chí phát triển xanh, phát triển bền vững để tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm FMC tại các thị trường phát triển.

Ngoài những rủi ro về thị trường xuất khẩu còn có rủi ro cạnh tranh về nhân công lao động và yếu tố mua nguyên liệu đầu vào như nêu bên dưới đây.

d. Rủi ro yếu tố đầu vào

Nguyên liệu tôm đầu vào chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu giá thành sản phẩm. Tùy theo diễn biến thị trường nguyên liệu trong nước hàng năm do dịch bệnh, do mật độ thả nuôi, môi trường nuôi,... là yếu tố tác động đến nguồn cung và cạnh tranh giá mua giữa các doanh nghiệp cùng ngành nghề trong nước.

Khả năng tự chủ nguồn nguyên liệu là một vấn đề nhức nhối mà nhiều doanh nghiệp thủy sản phải đối mặt, đặc biệt là trong lĩnh vực nuôi trồng tôm. Nhờ chính sách liên kết với Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam, FMC đảm bảo sản lượng và chất lượng tôm giống và thức ăn chăn nuôi tại các vùng nuôi của Công ty. Tuy vậy, khoảng 70% tôm nguyên liệu đầu vào cho quá trình chế biến vẫn phải thu mua phụ thuộc vào thị trường. Do hạn chế về kỹ thuật nuôi trồng cùng với con giống, thức ăn chưa tự chủ, môi trường nuôi chưa được hiệu quả, tỷ lệ nuôi thành công của các hộ nuôi trồng còn rất thấp, trung bình đạt 35%, dẫn đến không đảm bảo về sản lượng và chất lượng đầu vào cho FMC. Đặc biệt, tình hình thời tiết kém thuận lợi khiến tôm chết nhiều, chi phí thức ăn tăng sẽ làm biến động mạnh giá tôm nguyên liệu trên thị trường, ảnh hưởng đến giá vốn của Công ty.

Giải pháp khắc phục:

Nhằm giải quyết vấn đề này, Công ty đã triển khai một loạt giải pháp đồng bộ. Đầu tiên, Công ty xây dựng kế hoạch thu mua chi tiết, liên kết và phối hợp chặt chẽ với các hộ nuôi để đảm bảo nguồn dự trữ và tồn kho hợp lý. Song song đó, Công ty chủ động đầu tư phát triển vùng nuôi tôm riêng nhằm kiểm soát tốt hơn chất lượng con giống, thức ăn và môi trường nuôi, từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất và ổn định biên lợi nhuận. Với những nỗ lực này, Công ty đang từng bước giảm bớt sự phụ thuộc vào nguồn cung cấp nguyên liệu bên ngoài, đồng thời nâng cao khả năng tự chủ và chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

e. Rủi ro lãi suất, tỷ giá

Hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc phần lớn vào mảng xuất khẩu, đóng góp hơn 95% tổng doanh thu. Doanh thu xuất khẩu được thực hiện bằng đồng USD, dẫn đến việc biến động tỷ giá USD/VND ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn thu nhập chính của Công ty. Ngoài ra, một phần khoản vay

ngắn hạn của Công ty được tài trợ bằng USD, khiến cho rủi ro tỷ giá càng trở nên quan trọng và tác động mạnh mẽ đến lợi nhuận. Nhằm hạn chế rủi ro tiềm ẩn này, Công ty chủ động duy trì mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các ngân hàng để thường xuyên cập nhật và dự báo biến động tỷ giá ngoại tệ, đồng thời thực hiện các chính sách bán hàng khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh, nhằm hạn chế tác động tỷ giá ở các khoản phải thu khách hàng. Nhờ đó, Công ty có thể đưa ra các chiến lược kinh doanh phù hợp, giảm thiểu tác động tiêu cực từ biến động tỷ giá và đảm bảo sự ổn định trong hoạt động kinh doanh.

f. Rủi ro thị trường tiêu thụ

Các thị trường tiêu thụ chính của Công ty là Nhật Bản, Hoa Kỳ và Châu Âu (EU) - đây là những thị trường khó tính với những quy định, quy chuẩn về chất lượng, kích cỡ, vệ sinh, an toàn thực phẩm, đòi hỏi Công ty luôn chú trọng đầu tư về công nghệ, dây chuyền cũng như quy trình để có thể sản xuất sản phẩm đáp ứng những tiêu chí trên. Mặc dù, Công ty luôn chú trọng các tiêu chuẩn nhưng lại phụ thuộc rất nhiều vào chính sách của bên nhập khẩu, nếu có sự thay đổi từ bên nhập khẩu sẽ khiến cho Công ty rơi vào thế bị động, tăng thêm chi phí sửa đổi, thay đổi quy trình. Cụ thể, tôm Việt Nam được hưởng thuế chống bán phá giá 0% tại Mỹ kể từ năm 2019 đến nay. Tuy nhiên, hàng năm, mức thuế chống bán phá giá vẫn phải được xem xét lại. Năm 2024 phát sinh thêm thuế CVD ngoài AD như nêu trong phần rủi ro pháp luật đối với thị trường Mỹ.

Giải pháp khắc phục:

Trong bối cảnh khó khăn chung của toàn ngành, FMC khắc phục bằng cách giải pháp như: Kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm, nguyên liệu sạch, nguồn gốc rõ ràng; Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, đạo đức kinh doanh để quảng bá thương hiệu; Tận dụng dụng thế mạnh chế biến sâu để tập trung vào các thị trường với phân khúc cao cấp.

g. Rủi ro nguồn nhân lực

Để duy trì đà phát triển của ngành chế biến thủy sản đòi hỏi nhu cầu lớn đối với nguồn nhân lực cho hoạt động sản xuất, chế biến, xuất khẩu. Trong khi đó, thách thức lớn nhất đối với vấn đề này chính là sự biến động cao của nguồn lao động, xuất phát từ nguyên nhân mức lương thấp, điều kiện làm việc khắc khe, đòi hỏi tay nghề cao, do đó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất của doanh nghiệp. Tuy nhiên, đối với nguồn nhân lực cấp cao, rủi ro thất thoát là tương đối thấp.

Giải pháp khắc phục:

Quản trị rủi ro nhân lực là một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách đối với FMC. Công ty đề ra các biện pháp như: Nâng cao chất lượng môi trường làm việc đáp ứng tiêu chí sạch sẽ, an toàn, thân thiện, tôn trọng và lắng nghe; Tổ chức khám sức khỏe và hoạt động thể dục thể thao định kỳ; Tổ chức các buổi đào tạo chuyên môn nghiệp vụ; tạo cơ hội thăng tiến, các hoạt động thi đua, khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với doanh nghiệp; Xây dựng các chính sách tuyển dụng hấp dẫn nhằm thu hút những ứng viên tiềm năng, phù hợp... Bằng cách thực hiện các giải pháp thiết thực và hiệu quả để nâng cao chất lượng môi trường làm việc, phát triển nguồn nhân lực và xây dựng văn hóa doanh nghiệp, Công ty đã hạn chế tối đa rủi ro nguồn nhân lực, duy trì và phát triển đội ngũ nhân viên chất lượng cao, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

h. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh giúp đem

lại nguồn vốn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời khẳng định uy tín, tăng thanh khoản, công khai minh bạch hơn, góp phần quảng bá thương hiệu của FIMEX VN đến với nhà đầu tư sâu và rộng hơn nữa. Tuy nhiên, giá chứng khoán được quyết định bởi nhiều yếu tố không chỉ do việc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, mà còn bởi các yếu tố như tình hình kinh tế - xã hội - chính trị trong và ngoài nước, cung - cầu cổ phiếu, yếu tố tâm lý nhà đầu tư, ... Nếu có sự thay đổi của giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến thương hiệu, giá trị và sự tin tưởng của nhà đầu tư vào Công ty.

i. Rủi ro khác

Rủi ro về môi trường, như thiên tai, lũ lụt, hạn hán, chiến tranh, dịch họa,... có thể xảy ra bất cứ lúc nào, dù xác suất không lớn. Nếu phát sinh, những rủi ro này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, gây tổn thất nghiêm trọng. Do đó, Công ty luôn có quy trình, kế hoạch ứng phó để hạn chế thiệt hại ở mức thấp nhất.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	% 2024/ 2023
1	Tổng giá trị tài sản	3.774.889	3.356.184	112,48
2	Doanh thu thuần	6.912.623	5.087.393	135,88
3	Giá vốn hàng bán	6.160.943	4.594.469	134,09
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	422.117	303.639	139,02
5	Lợi nhuận khác	(306)	957	
6	Lợi nhuận trước thuế	421.810	304.596	138,48
7	Lợi nhuận sau thuế	422.616	302.336	139,78
8	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	305.701	276.067	110,73
9	Tỷ lệ cổ tức	20%	20%	100,00

Nhận định tình hình chưa cải thiện, Ban điều hành có nhiều giải pháp ứng xử như nỗ lực tăng tiêu thụ để bù trừ tỉ suất lợi nhuận thấp, coi trọng mối quan hệ với các khách hàng lớn để duy trì hệ thống đang có nhằm tạo nền tảng tốt nhất tăng tốc khi có cơ hội tới. Trong lĩnh vực nuôi tôm thì coi trọng sự nhạy bén, linh hoạt để điều chỉnh qui trình nuôi hạn chế rủi ro và tăng hiệu quả.

- Thành phẩm tôm tiêu thụ tăng trên 22% trong khi doanh số tăng trên 28% cho thấy giá tôm tiêu thụ duy trì tương ứng cùng kỳ, thực tế có giảm nhẹ nhưng kích cỡ tiêu thụ lớn hơn bù trừ.

Giải pháp là nỗ lực tăng doanh số để tăng lợi nhuận.

- Lợi nhuận FMC trong hợp nhất là 180 tỷ đồng (lợi nhuận riêng là 207 tỷ đồng) do trong quý phải trích dự phòng khá nhiều cho 2 loại thuế từ Hoa Kỳ. Từ năm 2022 đến nay giá tôm Ecuador đã giảm trên 30%, giá tôm Việt giảm trên 20%. Giải pháp là nỗ lực tăng hiệu quả nuôi tôm góp phần làm giảm giá thành cuối cùng để có mức lợi nhuận tốt hơn. Công ty thành viên KAF có lợi nhuận 2024 tăng rất mạnh do tăng trưởng mặt hàng có tỉ suất lợi nhuận cao, tuy nhiên cần thời gian để kiểm chứng sự ổn định.
- Nuôi tôm, thu hoạch của vụ thả nuôi chính 2024, thời tiết bất lợi nhưng sản lượng tốt (nhưng cỡ nhỏ) là một thành công để góp phần giảm giá thành sản phẩm cuối cùng, dù chưa như mong muốn.

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2023	KH 2024	TH 2024	%TH2024/ KH2024	%TH2024/ TH2023
1	Tổng doanh thu bán hàng	5.089.081	5.187.000	6.920.257	133,42	135,98
2	Lợi nhuận trước thuế	304.596	320.000	421.810	131,82	138,48
3	Lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ	278.130		305.118	109,70	109,70
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức	20%	20%	20%	100	100

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành: tại thời điểm 31/12/2023

Hiện tại, Công ty có 01 Tổng giám đốc, 04 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng. Các thành viên Ban điều hành của Công ty đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Phạm Hoàng Việt	Tổng Giám đốc	308.068	0,4711%
2	Mã Ích Hưng	Phó Tổng Giám đốc	75.400	0,1153%
3	Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	7	-
4	Lê Ngọc Hương	Phó Tổng Giám đốc	5.000	0,0076%
5	Nguyễn Mộc Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
6	Tô Minh Chảnh	Kế toán trưởng	8.764	0,0134%

b. Lý lịch Ban điều hành:

1. Ông Phạm Hoàng Việt – Tổng Giám Đốc	
Ngày sinh	25/11/1964
Nơi sinh	Tỉnh Hậu Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phần sở hữu	Cá nhân: 308.068 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,47% VDL Đại diện: không có
Quá trình công tác	
1986 – 1992	Nhân viên phòng kinh doanh – Đại lý Yamaha
1992 – 1996	Sinh viên trường Đại học Quản trị kinh doanh
1996 – 04/1997	Nhân viên Phòng Thương mại – Công ty Thực phẩm Xuất nhập khẩu TH Sóc Trăng
04/1997 – 2002	Trưởng phòng Thương mại Công ty Thực phẩm Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng
2003 – 2004	Trợ lý Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
01/2005 – 08/2005	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
09/2005 – 03/2018	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Cty CP TP Sao Ta
04/2018 – đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

2. Ông Mã Ích Hưng - Phó Tổng Giám đốc	
Ngày sinh	11/02/1970
Nơi sinh	Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phần sở hữu	Cá nhân: 75.400 cổ phần chiếm 0,12% VDL

	Đại diện: không có
Quá trình công tác	
02/1992 - 01/1996	Công nhân Công ty Thủy sản Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
02/1996 - 07/1997	Công nhân Công ty Thực phẩm Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
08/1998 - 12/2002	Quản đốc Công ty Thực phẩm Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng
01/2003 - 12/2004	Quản đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
01/2005 - 05/2006	Thành viên Ban kiểm soát, Quản đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
06/2006 - 30/11/2008	Thành viên Ban kiểm soát, Trợ lý Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
12/2008 - 06/2009	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
24/07/2009 - 16/04/2010	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
16/04/2010 - 7/2010	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
07/2010 - 03/2018	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Cty CP TP Sao Ta
04/2018 - nay	Phó Tổng Giám đốc Cty CP TP Sao Ta

3. Ông Hoàng Thanh Vũ - Phó Tổng Giám đốc	
Ngày sinh	26/02/1978
Nơi sinh	Mỏ Cày, Bến Tre
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư chế biến thủy sản
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phần sở hữu	Cá nhân: 7 cổ phần Đại diện: không có
Quá trình công tác	
05/2000 - 04/2001	Công nhân Công ty TNHH Kim Anh, tỉnh Sóc Trăng
05/2001 - 06/2002	Công nhân Công ty Thực phẩm Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng
06/2002 - 12/2002	Phó phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Thực phẩm Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng

01/2003 - 02/2005	Phó phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
03/2005 - 04/2010	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
04/2010 - 04/2013	Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
04/2013 - 04/2015	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty cổ phần Thực phẩm Sao Ta
04/2015 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

4. Bà Lê Ngọc Hương – Phó Tổng Giám Đốc

Ngày sinh	19/12/1971
Nơi sinh	Thốt nốt, Cần Thơ
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Công nghệ chế biến Thủy sản
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phần sở hữu	Cá nhân: 5.000 cổ phần chiếm 0,01% VDL Đại diện: không có
Quá trình công tác	
1996 - 1998	Thống kê XCB tại Công ty Thủy sản Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng
1998 - 1999	KCS XCB tại Công ty Thủy sản Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng
1999 - 2001	Phó ca sx Công ty Thực phẩm Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng
2001 - 2003	Trưởng khâu Tẩm bột Công ty Thực phẩm Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng
2003 - 2006	Phó Quản đốc XCB Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
2006 - 2019	Quản đốc XCB Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
2019 - 06/2020	Giám đốc nhà máy Nam An Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
07/2020 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

5. Ông Nguyễn Mộc Khiêm –Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh	24/10/1982
Nơi sinh	TT Mỹ Xuyên- Huyện Mỹ Xuyên- Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Đại Học
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	0
Quá trình công tác	
Từ tháng 09/2008	Công nhân cơ điện CTY CBTP Phương Nam
Từ tháng 03/2017	Công nhân cơ điện CTY CBTP SaoTa
Từ tháng 6/2024	Phó Tổng Giám đốc Công ty CPTP Sao Ta

5. Ông Tô Minh Chưởng – Kế toán trưởng	
Ngày sinh	12/06/1970
Nơi sinh	xã Hòa Đông, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phần sở hữu	Cá nhân: 8.764 cổ phần chiếm 0,01% VDL Đại diện: không có
Quá trình công tác	
02/1994 - 09/1997	Nhân viên kế toán Công ty Thủy sản Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
01/2003 - 05/2003	Nhân viên kế toán, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
06/2003 - 12/2004	Nhân viên kế toán, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
01/2005 - 31/07/2006	Kế toán tổng hợp, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
01/08/2006 - 17/08/2006	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
18/08/2006 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

c. Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2024:

Trong năm 2024, FMC đã bổ nhiệm thêm 01 Phó Tổng Giám đốc là ông Nguyễn Mộc Khiêm từ ngày 01/06/2024 theo Quyết định của HĐQT số 087/QĐBN.2024 ngày 30/05/2024 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta.

d. Số lượng cán bộ, nhân viên: tại thời điểm 31/12/2024

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ lao động	4071	100%
1	Trình độ trên Đại học	5	0%
2	Trình độ Đại học & Cao đẳng	430	11%
3	Trình độ Trung cấp	109	3%
4	Công nhân kỹ thuật	25	1%
5	Lao động phổ thông	3502	86%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	4071	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	2040	50%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	0	0%
3	Hợp đồng theo hợp đồng xác định từ 1- 3 năm	2031	50%
C	Theo giới tính	4071	100%
1	Nam	1262	31%
2	Nữ	2809	69%

e. Thu nhập bình quân: tại thời điểm 31/12/2024

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số lượng người lao động (người)	4.851	3.910	4.071
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	9.400.000	10.800.000	11.100.000

f. Chính sách nhân sự

- Về đào tạo:** Công ty coi trọng công tác đào tạo và phát triển nhân lực, nhằm đảm bảo toàn bộ nhân viên có đủ năng lực chuyên môn và kỹ năng cần thiết để thực hiện tốt công việc được giao. Việc đào tạo và huấn luyện các kỹ năng, chuyên môn cần thiết được thực hiện tại Công ty hoặc đào tạo các khóa học bên ngoài theo kế hoạch đào tạo của Công ty được lập từ đầu năm. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo như: phổ biến nội quy quy định của Công ty, đào tạo tay nghề, đào tạo nội dung các hệ thống quản lý chất lượng như: HACCP, OHSAS 18001, ISO 9001-2008, ISO 14001-2004... Ngoài ra, Công ty còn thuê các chuyên gia đến Công

ty trực tiếp đào tạo, hay gửi công nhân đi tham dự các khóa học chuyên ngành... Để thực hiện tốt công tác đào tạo, Công ty và người lao động thỏa thuận cam kết về nghĩa vụ và quyền lợi của hai bên trong quá trình học tập, khả năng công tác và thời gian phục vụ Công ty sau khi học tập.

- **Về tuyển dụng:** tuyển dụng nhân sự mới theo quy trình được thiết lập để đảm bảo nhân viên mới có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty. Trong dài hạn, Công ty ưu tiên nguồn nhân lực ở địa phương vì có tính ổn định và chất lượng khá cao.
- **Về chế độ làm việc:** Công ty thực hiện chế độ làm việc 6 ngày/tuần và 8 giờ/ngày. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện công việc đòi hỏi mà các đội có thể thay đổi thời giờ làm việc trong ngày cho phù hợp hoặc làm thêm giờ nhưng phải bảo đảm số giờ tiêu chuẩn của ngày làm việc do Công ty quy định. Nhân viên làm việc đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12, 14 hoặc 16 ngày/năm tùy theo điều kiện làm việc. Nếu chưa đủ 12 tháng thì số ngày nghỉ phép hàng năm được tính tương ứng với số tháng làm việc trong năm. Công ty sẽ tăng số ngày nghỉ phép dựa trên thời gian làm việc của nhân viên, cứ mỗi 5 năm làm việc sẽ được nghỉ thêm 1 ngày. Ngoài ra, hàng năm, tất cả nhân viên của Công ty đều được nghỉ lễ 8 ngày/năm. Nếu những ngày này trùng với những ngày nghỉ khác, thì nhân viên được nghỉ bù vào ngày tiếp theo.
- **Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ:** để tạo sự công bằng, hiện nay Công ty trả lương theo sản phẩm làm ra, không người lao động nào có thể dựa dẫm hoặc ăn theo người khác, từ đó tạo “đòn bẩy” về mặt kinh tế thúc đẩy sự hăng say trong công việc của mọi người lao động. Mức thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty qua các năm được cải thiện đáng kể. Hàng năm, Công ty dùng một khoản tiền được trích từ lợi nhuận theo quy định để khen thưởng cho cán bộ công nhân viên. Chính sách khen thưởng của Công ty là theo bình bầu xếp loại A, B, C hoặc theo mức lương trung bình năm

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình kết quả kinh doanh tại các công ty con:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM KHANG AN				
STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	%2024/ 2023
1	Tổng tài sản	1.122.577	737.898	152,13
2	Doanh thu thuần	2.058.158	1.253.355	164,21
3	Giá vốn hàng bán	1.710.282	1.145.126	149,35
4	Doanh thu hoạt động tài chính	32.759	20.414	160,47
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	138.674	74.472	186,21
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	241.960	54.171	446,66
7	Lợi nhuận khác	(463)	316	
8	Lợi nhuận trước thuế	241.497	54.487	443,22
9	Lợi nhuận sau thuế	241.262	54.208	445,07

CÔNG TY TNHH VĨNH THUẬN				
STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	%2024/2023
1	Tổng tài sản	38.708	37.955	101,98
2	Doanh thu thuần	28.260	19.921	141,86
3	Giá vốn hàng bán	28.264	19.936	141,77
4	Doanh thu hoạt động tài chính	174	339	51,33
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	-	-	
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	169	325	52,00
7	Lợi nhuận khác	-	-	
8	Lợi nhuận trước thuế	168	325	51,69
9	Lợi nhuận sau thuế	168	325	51,69

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính: đã được nêu tại điểm a, khoản 1, mục II của báo cáo này.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,04	1,91
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,26	1,01
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	34,68	33,43
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	53,08	50,22
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,16	4,76
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,94	1,60
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	6,11	5,94
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	17,98	13,90
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	11,85	9,53
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6,11	5,97

- **Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:**

Khả năng thanh toán của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta trong năm 2024 ghi nhận mức tăng so năm 2023 và luôn ở mức lớn hơn 1. Ngoài việc tăng chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế, công ty luôn nỗ lực cân đối dòng tiền có hiệu quả để góp phần giảm tối đa chi phí lãi vay là nguyên nhân chính cho việc cải thiện chỉ tiêu khả năng thanh toán trong năm 2024.

- **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**

Đặc điểm trong mô hình kinh doanh của FMC là sử dụng linh hoạt các công cụ tài chính để tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động của Công ty, đồng thời sử dụng lợi nhuận giữ lại để chia cổ tức cũng như tái đầu tư tài sản cố định. Tùy theo tình hình hàng năm, Công ty lựa chọn phương án kinh doanh dòng tiền sao cho hiệu quả tốt nhất có thể. Khác với năm 2023, năm 2024 tài sản ngắn hạn chủ yếu là các khoản tiền và tương đương tiền đem gởi có kỳ hạn nhằm giảm hưởng chênh lệch lãi suất để giảm chi phí lãi vay trong khi các nợ vay cũ (lãi suất thấp) chưa đến hạn trả. Đây là nguyên nhân chính làm chỉ tiêu cơ cấu về vốn có thay đổi tăng so với năm 2023.

- **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**

Đẩy mạnh doanh số bán hàng trước áp lực tăng giá mua nguyên liệu từ cuối quý 3 năm 2024 để giảm tồn kho (lấy bán thành phẩm trừ trong kho để tái chế biến ra sản phẩm cuối cùng) nhằm hạn chế lượng mua nguyên liệu mới với giá cao hơn. Do đó chỉ tiêu này tăng so năm 2023.

- **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**

Như phân tích tại Khoản 1, Mục II nêu trên, lợi nhuận hợp nhất sau thuế của công ty tăng mạnh so với cùng kỳ làm cho chỉ tiêu này của 2024 tăng so năm 2023.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a. Cổ phần: tại thời điểm 31/12/2024

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 65.388.889 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 65.388.889 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần được chuyển nhượng tự do: 58.850.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 6.538.889 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông: Danh sách chốt tại ngày 18/03/2025

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (ngàn đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	1.656.000	16.560.000	2,53%
II	Cổ đông trong nước	43.456.760	434.567.600	66,46%
II.1	Cá nhân	7.910.626	79.106.260	12,10%
II.2	Tổ chức	35.546.134	355.461.340	54,36%
III	Cổ đông nước ngoài	20.276.129	202.761.290	31,01%
III.1	Cá nhân	539.867	5.398.670	0,83%

III.2	Tổ chức	19.736.262	197.362.620	30,18%
Tổng cộng (II+III)		65.388.889	653.888.890	100%

c. Danh sách cổ đông lớn

Danh sách chốt tại ngày 31/12/2024

STT	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU/VĐL(%)
1	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN	Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	24.684.678	37,75%
2	CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P VIỆT NAM	KCN Biên Hòa II, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	16.281.833	24,90%
3	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN BẾN TRE	Ấp 9, Tân Thạch, Châu Thành, Bến Tre	8.089.000	12,37%

d. Thông tin thay đổi VCSH:

THỜI ĐIỂM	LẦN TĂNG	GIÁ TRỊ VỐN TĂNG THÊM	VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI TĂNG	HÌNH THỨC TĂNG VỐN
2003	01/01/2003	85.000.000.000	104.000.000.000	Cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ 77%
2003	22/11/2003	(44.000.000.000)	60.000.000.000	Giảm vốn Nhà nước còn 60%
2007	Lần 1: 20/07/2007	10.000.000.000	70.000.000.000	Phát hành 900.000 cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu và thưởng 100.000 cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt
2008	Lần 2: 21/05/2008	9.000.000.000	79.000.000.000	Phát hành riêng lẻ 1.000.000 cổ phiếu cho Nhà đầu tư chiến lược với giá phát hành là 48.000 đồng/cổ phiếu
2009	Lần 3: 01/02/2009	1.000.000.000	80.000.000.000	Cổ đông sáng lập góp vốn để tăng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên diễn ra ngày

THỜI ĐIỂM	LẦN TĂNG	GIÁ TRỊ VỐN TĂNG THÊM	VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI TĂNG	HÌNH THỨC TĂNG VỐN
				04/04/2008.
2013	Lần 4: 30/03/2013	50.000.000.000	130.000.000.000	Phát hành riêng lẻ 5.000.000 cổ phiếu cho Nhà đầu tư chiến lược với giá phát hành là 10.500 đồng/cổ phiếu
2014	Lần 5: 31/03/2015	70.000.000.000	200.000.000.000	Phát hành ra công chúng 6.500.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 với giá phát hành là 15.000 đồng/cổ phiếu và 500.000 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu
2016	Lần 6: 25/03/2016	100.000.000.000	300.000.000.000	Phát hành ra công chúng 10.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu
2017	Lần 7: 23/05/2017	90.000.000.000	390.000.000.000	Phát hành ra công chúng 9.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu
2018	Lần 8 20/06/2018	12.000.000.000	402.000.000.000	Phát hành 1.200.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty
2019	Lần 10: 06/11/2019	88.440.000.000	490.440.000.000	Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 804.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và 8.040.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 402 tỷ đồng lên 490,44 tỷ đồng.
2021	Lần 11: 11/03/2021	98.060.000.000	588.500.000.000	Phát hành ra công chúng số lượng 9.806.000 cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/10/2020, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 588,5 tỷ đồng.

THỜI ĐIỂM	LẦN TĂNG	GIÁ TRỊ VỐN TĂNG THÊM	VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI TĂNG	HÌNH THỨC TĂNG VỐN
	Lần 12: 29/1/2/2021	6.538.889.000	653.888.890.000	Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược số lượng 6.538.889 cổ phiếu theo Nghị quyết số 21/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/11/2021 theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, nâng vốn điều lệ Công ty lên 653.888.890.000 đồng.

e. **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%** (theo Công văn số 7098/UBCK - PTTT về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của CTCP Thực phẩm Sao Ta ngày 03/11/2021 của UBCKNN)

f. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

g. **Các chứng khoán khác:** Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

a. Tác động lên môi trường:

Hiện nay, môi trường sống đang bị ô nhiễm nghiêm trọng, là mối quan tâm, lo lắng chung cho các quốc gia trên phạm vi toàn cầu. Đặc biệt, Việt Nam nằm trong Top 10 quốc gia bị ảnh hưởng nghiêm trọng nhất vì biến đổi khí hậu. Bên cạnh định hướng tập trung vào các giải pháp kinh doanh hiệu quả, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh và uy tín trên thị trường, FMC với vị thế công ty đầu ngành luôn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường, hướng tới doanh nghiệp thân thiện với môi trường.

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

Công ty tuân thủ các quy định về phòng chống ô nhiễm theo tiêu chuẩn ISO 14001: 2015. Ngoài ra, Công ty đã thực hiện các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường thông qua sự hướng dẫn của các cơ quan môi trường địa phương như: thực hiện đánh giá tác động môi trường và cam kết thực hiện đúng quy định cam kết. Hàng năm thực hiện quan trắc môi trường 4 lần. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường được đánh giá theo Quy chuẩn Việt Nam (QCVN) hiện hành và đều nằm trong giới hạn cho phép, đảm bảo hoạt động sản xuất của FMC rất ít gây tác động đến môi trường xung quanh.

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: 26.285 tấn CO₂
- Tổng chi phí xử lý môi trường: 690 triệu đồng

b. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Chất lượng sản phẩm luôn là ưu tiên hàng đầu của Công ty đối với khách hàng và người tiêu dùng. Do đó, ngoài nguồn nguyên liệu tôm do Công ty tự nuôi, đã được kiểm soát tốt thì các nguồn nguyên vật liệu mua từ bên ngoài luôn được Công ty xem xét, lựa chọn kỹ lưỡng từ các nhà cung cấp uy tín. Đối với tôm nguyên liệu, Công ty có các chính sách để xác định đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, thường xuyên tổ chức đánh giá điều kiện nuôi 3-4 lần/năm phù hợp với các tiêu chí của Công ty. Đối với các chất thải tái chế, số bao bì carton, thùng giấy, Công ty bán cho nhà thầu bên ngoài, còn các bịch PE được tái chế thành lưới ngăn cua sử dụng cho ao nuôi tôm của Công ty.

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tổng cộng	
			Năm 2024	Năm 2023
1	Nguyên liệu chính	Tấn	23.565	17.274
2	Bao bì các loại	Cái	8.531.442	7.395.434
3	PE	Kg	364.175	473.275
4	PA	Cái	30.133.252	26.195.281
5	Lượng thành phẩm tái chế sử dụng sản xuất ra sản phẩm khác	%	14,94	16,50

c. Tiêu thụ năng lượng:

Bảo vệ môi trường là một vấn đề cấp bách, và tiết kiệm năng lượng chính là hành động thiết thực góp phần quan trọng vào mục tiêu chung này. Hành động này không chỉ thể hiện trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với cộng đồng, mà còn là nét đẹp văn hóa và cách thức hiệu quả nhất để gìn giữ môi trường "xanh - sạch - đẹp". Đối với doanh nghiệp, tiết kiệm năng lượng còn mang lại lợi ích thiết thực về mặt kinh tế. Chi phí năng lượng ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí hoạt động, do đó, việc sử dụng năng lượng hiệu quả sẽ giúp tăng lợi nhuận và nâng cao năng lực cạnh tranh. FMC luôn đề cao ý thức tiết kiệm năng lượng và cam kết thực hiện các giải pháp hiệu quả để giảm thiểu tiêu thụ năng lượng. Công ty luôn nhắc nhở nhân viên thực hiện đúng quy định về sử dụng năng lượng trong đơn vị như: sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, tắt khi không sử dụng.

Tổng năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tổng cộng	
			Năm 2024	Năm 2023
1	Điện trực tiếp	kW	37.411.274	36.103.930
2	Điện gián tiếp	kW	261.187	243.831
3	Dầu DO	Lít	330.425	263.198
4	NH ₃	Kg	14.040	30.960

d. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

Nguồn nước tại Nhà máy Thủy sản Nam An được sử dụng là nguồn nước ngầm đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp phép khai thác, dùng cho mục đích chính là sản xuất. Các nhà máy khác sử dụng nước từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng. Việc khai thác nước mặn để sử dụng cho hoạt động nuôi trồng thủy sản tại trại nuôi tôm có đầy đủ giấy phép của cơ quan Tài nguyên – Môi trường. Hoạt động nuôi trồng thủy sản có sử dụng nước biển, do vậy việc lấy nước, xả nước cũng được dự báo, dự trữ và lập kế hoạch thực hiện nhịp nhàng nhằm đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn nước của khu vực xung quanh. Để sử dụng nước hiệu quả, có trách nhiệm không gây ô nhiễm, các trại nuôi có kế hoạch kiểm tra độ dẫn điện nước ngọt; quy định kiểm soát chất lượng nước; kế hoạch kiểm chỉ tiêu nước (giám sát chất lượng nước).

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tổng Cộng	
			Năm 2024	Năm 2023
1	Nước trực tiếp	m ³	838.770	766.129
2	Nước gián tiếp	m ³	38.117	24.604

e. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Trong quá trình hoạt động, FMC luôn ý thức chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường hướng tới doanh nghiệp thân thiện với môi trường. Theo đó, FMC có bộ phận chuyên trách về môi trường có trình độ chuyên môn phù hợp. Tất cả người lao động của Công ty thường xuyên được phổ biến về cách phân loại chất thải, rác thải, các quy định về việc sử dụng tiết kiệm năng lượng điện, nước... trong sản xuất và hoạt động văn phòng cũng như các quy định về vệ sinh môi trường, an toàn lao động. Tất cả các nhà máy

sản xuất của FMC đều thực hiện đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào hoạt động. Trong quá trình hoạt động, các nhà máy tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về môi trường, thực hiện đo đạc, giám sát môi trường định kỳ 1 Quý/lần và báo cáo lên các cơ quan chức năng liên quan.

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

f. Chính sách liên quan đến người lao động:

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong việc theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững, FMC luôn đề cao xây dựng đội ngũ nhân sự Chuyên nghiệp – Trách nhiệm – Hiệu quả như một chiến lược dài hạn. Theo đó, môi trường làm việc tại FMC được vun đắp để nuôi dưỡng và thúc đẩy sự đoàn kết, phát triển toàn diện cho mỗi cá nhân với nền tảng bao gồm hệ thống quy tắc đạo đức ứng xử, các chương trình đào tạo chuyên môn Giáo dục đạo đức nghề nghiệp và các đặc trưng văn hóa của FMC. Với chiến lược phát triển nguồn nhân lực bài bản và tầm nhìn chiến lược, Fimex cam kết tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, nơi mỗi cá nhân được phát huy tối đa năng lực, cống hiến cho sự thành công chung của Công ty, cụ thể:

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 năm 2 lần đối với người lao động làm việc tại khu vực sản xuất và khối văn phòng 01 năm/lần.
- Tổ chức cho đại đa số cán bộ công nhân viên đi tham quan và nghỉ mát sau một năm làm việc vất vả. Một số cá nhân xuất sắc được Công ty đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Liên đoàn Lao động tỉnh Sóc Trăng cấp bằng khen, giấy khen...
- Thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động, ký kết hợp đồng lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên, mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Người lao động của Công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi, được quy định trong thỏa ước lao động tập thể, được cơ quan chức năng thừa nhận.
- Ngoài việc thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật Lao động, nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể, Công ty cũng luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên, cụ thể: Trong mỗi Nhà máy, Xí nghiệp, Công ty đều có trang bị các căn tin, các phòng đọc sách, khu vui chơi giải trí cho người lao động.
- Xây dựng các chính sách thu hút, giữ chân những nhân tài, đồng thời các chương trình thi đua để tăng gắn kết người lao động với Công ty

g. Hoạt động đào tạo người lao động

Năm 2024, FMC tiếp tục phát huy tốt công tác giáo dục và đào tạo cho người lao động. Chương trình đào tạo được xây dựng phụ thuộc vào nhu cầu trong công việc và bối cảnh thực tế của Công ty. Các nội dung đào tạo, diễn tập đảm bảo các mục tiêu:

- Tuân thủ các yêu cầu đào tạo của luật pháp: Đào tạo sử dụng, vận hành các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn (lò hơi, xe nâng); Đào tạo, diễn tập PCCC; Đào tạo an toàn vệ sinh lao động; Tập huấn kiến thức Vệ sinh An toàn Thực phẩm (Tất cả người lao động trong Công ty đều đạt chứng nhận kiến thức Vệ sinh An toàn Thực phẩm do NAFIQAD cấp); Đào tạo về nuôi trồng bền vững như Viet GAP, Global GAP.
- Các cán bộ quản lý, lãnh đạo cũng được tạo điều kiện và khuyến khích tham gia các hoạt động đào

tạo nâng cao về năng lực quản lý, điều hành công việc.

- Cung cấp thông tin về quyền lợi cá nhân người lao động, thông tin về an toàn, sức khỏe trong quá trình làm việc: Thông tin, tuyên truyền về quyền lợi người lao động, nội quy lao động, phúc lợi công ty; Đào tạo về đảm bảo an toàn, sức khỏe trong điều kiện sản xuất.
- Nâng cao nhận thức người lao động và cộng đồng về môi trường, xã hội: Bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội, đóng góp cộng đồng; Đào tạo áp dụng các tiêu chuẩn môi trường, xã hội quốc tế như các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm BRC, HACCP, các tiêu chuẩn môi trường – xã hội như Global GAP, ASC, BSCI, SEDEX, An ninh nhà máy và phòng vệ sinh thực phẩm.

STT	Chương trình	Chi tiết
1	Đào tạo kỹ năng chuyên môn mỗi năm	Tổng số tham gia 3.838 người Số giờ đào tạo trung bình 18 giờ
2	Huấn luyện nghiệp vụ PCCC & CNCH	Tổng số tham gia 46 người Chi phí huấn luyện 15.983.000 đồng
3	Đào tạo an toàn lao động	Tổng số tham gia 234 người Chi phí đào tạo: 30.262.000 đồng
4	Đào tạo sơ cứu cấp cứu ban đầu	Tổng số tham gia 41 người Chi phí đào tạo: 18.500.000 đồng

h. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Ngoài người lao động thì cộng đồng cư dân xung quanh nơi có hoạt động sản xuất cũng được FMC thường xuyên tham vấn, trao đổi ý kiến bởi đây là những đối tượng chịu ảnh hưởng nhiều và trực tiếp nhất do hoạt động của Công ty. Ngoài ra, hoạt động từ thiện cộng đồng là một trong những hoạt động thường xuyên của Công ty. Mục tiêu cao nhất của các chương trình là lan tỏa hiệu ứng tích cực cho cộng đồng, đào tạo và nâng cao ý thức của người lao động, trong đó bao gồm:

- Ủng hộ các đội đua trong Lễ hội Oóc Om Bóc- đua ghe Ngo ở Sóc Trăng. Việc này góp phần bảo tồn di sản, phát huy và quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương;
- Ủng hộ hàng tỷ đồng cho quỹ vì người nghèo, Tết Trung thu cho trẻ em nghèo, học bổng cho học sinh nghèo hiếu học, mua máy vi tính cho trường khuyết tật, hỗ trợ nạn nhân chất độc màu da cam, xây dựng cầu nông thôn;
- Với đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, Công ty đã nhận phụng dưỡng suốt đời 5 mẹ VN anh hùng, ủng hộ quỹ giúp đỡ cựu chiến binh;
- Với lực lượng lao động hơn 4 ngàn người, Công ty đã tạo nguồn công việc lâu dài cho đông đảo lực lượng lao động địa phương và nguồn thu nhập ổn định cho hàng ngàn gia đình, góp phần ổn định và xây dựng xã hội.

Tổng đóng góp cho cộng đồng trong năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024
1	Phúc lợi khác	Đồng	322.000.000
2	Đóng góp cho cộng đồng	Đồng	408.000.000

i. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Sao Ta rất quan tâm theo dõi

các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có chỉ thị từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Tình hình diễn biến năm 2024

- Ngành tôm đối mặt nhiều thách thức trong năm 2024 như lạm phát suy thoái kéo dài, xung đột quanh kênh đào Suez khiến giá cước tàu tăng, dịch bệnh tôm nuôi khá nặng nề.
- Sức cung tôm ở các cường quốc tôm như Ecuador, Ấn Độ, Indonesia lớn khiến giá tôm tiêu thụ giảm.
- Tình hình nuôi tôm trong nước gặp khó khăn vì chất lượng con giống không ổn định, thời tiết thất thường, dịch bệnh, chi phí nuôi tôm cao trong khi giá tôm thương phẩm thấp khiến người nuôi không an tâm thả giống gây thiếu hụt nguyên liệu. Hệ lụy là hạn chế sức cung khiến giá tôm thương phẩm đột ngột bật tăng mạnh từ giữa tháng 9 và kéo dài, gây khó cho việc hoạch định kinh doanh.
- Rủi ro không nhỏ từ vụ kiện chống bán phá giá (AD) và chống trợ giá (CVD) tôm từ Hoa Kỳ.
- Điểm sáng là nhu cầu thị trường có xu hướng phục hồi và giá tôm nhập khẩu có xu hướng tăng nhẹ trong nửa cuối năm và diễn biến tỷ giá trong những tháng cuối năm có lợi cho xuất khẩu tôm.

b. Kết quả hoạt động năm tài chính 2024

STT	Khoản mục	ĐVT	Riêng	Hợp nhất	KH 2024	%BCTC hợp nhất so với kế hoạch
1	Tôm TP chế biến	Tấn	18.135,20	25.833,42	22.300	115,84
2	Tôm TP tiêu thụ	Tấn	15.919,66	22.164,40		
3	Nông sản chế biến	Tấn	N/A	1.039,80	1.500	69,22
4	Nông sản tiêu thụ	Tấn	N/A	1.309,20		
5	Doanh số chung	Tr.USD	168,60	250,86	210	119,46
6	Tổng doanh thu (*)	Tỷ đồng	4.877	6.920	5.187	133,41
7	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	207	422	320	131,86
8	Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	Tỷ đồng	N/A	306		
9	Cổ tức tính trên mệnh giá	%	20	20	20	100,00

Ghi chú: () Tổng doanh thu này bao gồm cả doanh thu bán tôm nguyên liệu tự nuôi lúc cao vụ thu hoạch.*

Đánh giá: Tham khảo tại Khoản 1, Mục II của báo cáo này.

Năm 2024 là năm đầy khó khăn về nuôi tôm, giá tôm, lẫn thị trường tiêu thụ nhưng FMC đã vượt qua một cách khá mạnh mẽ, thể hiện ở hiệu quả hoạt động. Các giải pháp mang tính chất lâu dài như giải pháp tiết kiệm, việc hợp lý hóa quy trình, việc cơ giới hóa, tự động hóa và chuyển đổi số trong hoạt động chế biến lẫn nuôi trồng; quan tâm hoàn thiện hơn bộ máy đang có, nâng cao trách nhiệm cá nhân và tính chuyên nghiệp luôn được coi trọng.

Trong quá trình hoạt động gần 30 năm, tập thể FMC đoàn kết vượt qua bao thử thách, tích lũy nhiều kinh nghiệm, từ đó nâng cao bản lĩnh ứng xử. FMC sẽ tiếp tục nêu cao tinh thần đoàn kết, chung tay tiếp tục khắc phục khó khăn để có kết quả hoạt động đáp ứng kỳ vọng nội bộ cũng như các nhà đầu tư, cổ đông.

c. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

Ban điều hành đã thể hiện sự linh hoạt kịp thời, thể hiện trong sách lược, giải pháp về thị trường, khách hàng, sản phẩm.

Năm qua, FMC luôn coi trọng tiết kiệm tối đa chi phí; tập trung kinh doanh hàng chế biến sâu, sản phẩm mới. Song song nỗ lực tăng mức tiêu thụ thông qua việc thường xuyên phối hợp các khách hàng lớn, nắm diễn tiến tình hình tiêu thụ để có đối sách nhằm giữ vững hệ thống khách hàng và người tiêu dùng cuối cùng của mình. Việc tăng tiêu thụ cũng là sách lược của FMC nhằm giữ vững thị trường Hoa Kỳ. Trong lĩnh vực nuôi tôm, FMC giữ vững thành quả nuôi tôm thông qua coi trọng việc an toàn sinh học vùng nuôi và giám sát thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc, hạn chế tối đa lây lan dịch bệnh. Đồng thời cũng tìm nguồn cung ứng tôm giống tốt nhất để tăng tỉ lệ nuôi thành công.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2023	Tăng trưởng
I	Tài sản ngắn hạn	2.641.239	2.127.051	124,17
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.077.461	451.604	238,59
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	140.043	97.417	143,76
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	370.481	491.782	75,33
4	Hàng tồn kho	1.001.948	999.827	100,21
5	Tài sản ngắn hạn khác	51.306	86.421	59,37
II	tài sản dài hạn	1.133.649	1.229.133	92,23
1	Phải thu dài hạn		-	
2	Tài sản cố định	768.061	848.375	90,53
3	Tài sản dở dang dài hạn	90.685	95.602	94,86
4	Tài sản dài hạn khác	274.903	285.156	96,40
	Tổng tài sản	3.774.888	3.356.184	112,48

ĐVT: Triệu đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại (31/12/2024)	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa và vật kiến trúc	746.676	405.869	54,36%
Máy móc và thiết bị	867.861	319.619	36,83%
Phương tiện vận tải	85.672	31.563	37,72
Thiết bị văn phòng	12.997	2.074	15,96
Tài sản khác	10.934	5.245	47,97
Cộng	1.724.140	764.370	44,33
Tài sản cố định vô hình			
Quyền sử dụng đất	4.872	3.684	75,62
Phần mềm máy tính	1.228	8	0,65
Tài sản khác			
Cộng	6.100	3.692	60,52

Tổng tài sản năm 2024 tăng so năm 2023 chủ yếu tăng các khoản tiền và tương đương tiền, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn như phân tích tại Khoảng 4b, Mục II của báo cáo này.

b. Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2023	Tăng giảm 2024/2023
Nợ ngắn hạn	1.297.239	1.111.722	116,69
Nợ dài hạn	11.746	10.322	113,80
Tổng nợ phải trả	1.308.985	1.122.044	116,66

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

FMC luôn không ngừng chú trọng đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, gia tăng cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành, triển khai phương án dự phòng nhân sự, đào tạo phát triển nhân viên, đặc biệt là nguồn nhân lực kế thừa. Việc cập nhật và hoàn thiện các quy định quy chế nội bộ của Công ty phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành luôn được Công ty quan tâm thực hiện, qua đó dự báo được những rủi ro từ thay đổi chính sách pháp luật để cảnh báo phòng ngừa, thực hiện tốt các chính sách quản lý lao động; duy trì mối quan hệ hài hòa giữa Công ty và người lao động. FMC cũng chú trọng việc đầu tư, nâng cấp hệ thống thiết bị thông tin, mạng nội bộ để đảm bảo hệ thống hoạt động thông suốt với cấp độ bảo mật cao.

Những năm gần đây, FMC đã xây dựng các nhà máy mới. Vì vậy, FMC cần có một đội ngũ kế thừa đủ năng lực, đủ tầm để điều hành, quản lý công ty vững mạnh trong chặng đường dài. Để đáp ứng nhu cầu này, FMC đã đào tạo và trang bị cho thế hệ kế thừa của mình những kiến thức và kinh nghiệm trong những năm qua, để họ có thể tiếp tục xây dựng và phát triển FMC trên cơ sở tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị cốt lõi của Công ty, cùng với bản sắc văn hóa riêng biệt. Đồng thời, để phù hợp với mô hình hoạt động Công ty, FMC đã tiến hành bổ nhiệm, luân chuyển nhân sự theo đúng năng lực, vai trò và trình độ

chuyên môn để đảm bảo mọi hoạt động Công ty được thực hiện ngày càng hiệu quả và chuyên nghiệp hơn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

a. Đánh giá tình hình và giải pháp thực hiện

- Nhận định tình hình ngành tôm 2025:
 - Thách thức lạm phát suy thoái vẫn chưa cải thiện đáng kể. Cung cầu tôm thế giới bất lợi cho tôm Việt.
 - Rủi ro không nhỏ từ 2 vụ kiện chống bán phá giá (AD) và vụ kiện chống trợ cấp (CVD) ở Hoa Kỳ; dẫn đến diễn biến thị trường còn khá phức tạp.
 - Biến đổi khí hậu khó lường, đầy tiềm ẩn rủi ro cho tôm nuôi.
 - Kinh tế VN phát triển ổn định và tốc độ khá cao, nền tảng cho sự giữ vững tỉ giá và các cân đối khác, giảm thiểu rủi ro cho tất cả ngành kinh tế.

- Thực trạng của Sao Ta:

Thuận lợi:

- Khi xung đột thương mại gia tăng chuỗi cung ứng toàn cầu có thể bị xáo trộn, tạo cơ hội để thâm nhập thị trường.
- Có đủ điều kiện để tập trung chuyên môn hóa sản phẩm ở từng nhà máy nhằm giảm chi phí và tăng năng suất.
- Có đội ngũ công nhân lành nghề gắn bó lâu dài với FMC.
- Có diện tích vùng nuôi ASC lớn đủ đáp ứng nguồn cung cho các hệ thống lớn.
- Khách hàng, thị trường và chất lượng sản phẩm ổn định.

Khó khăn :

- Tôm Việt xuất sang thị trường Mỹ phải đối mặt với 2 vụ kiện AD và CVD.
- Biến đổi khí hậu khó lường, đầy tiềm ẩn rủi ro nuôi tôm.
- Thách thức lạm phát suy thoái vẫn chưa cải thiện đáng kể. Cung cầu tôm thế giới bất lợi cho tôm Việt.

- Giải pháp thực hiện

- Chỉ tiêu phấn đấu về sản xuất không tăng trưởng, nguyên nhân do thách thức năm 2025 còn quá lớn, rủi ro còn cao. Chỉ nỗ lực gia tăng mặt hàng mới, hàng chế biến sâu để duy trì và tăng trưởng lợi nhuận.
- Tiếp tục triển khai các sách lược thị trường, khách hàng, sản phẩm đang có hiệu quả nhằm tối ưu hóa doanh số, lợi nhuận.
- Theo dõi kịp thời diễn biến hai vụ kiện từ Hoa Kỳ để có đối sách giảm thiểu nhất thiệt hại, nếu có. Tùy diễn biến tình hình để có đối sách khách hàng/ tiêu thụ ở thị trường Hoa Kỳ và sách lược thị trường. Triển khai tiếp tục chuẩn bị sổ sách cho POR20/POR21 và tiếp tục trích dự phòng cho vụ kiện.
- Thả nuôi vụ nuôi chính ngay sau khi thu hoạch vụ chuyển tiếp từ năm trước. Chú trọng sáng tạo, cải tiến không chỉ trong lĩnh vực nuôi tôm mà trong tất cả mọi mặt hoạt động nhằm tối ưu hóa hoạt động. Mở rộng vùng nuôi khi cơ hội cho phép.

- Luôn coi trọng thực thi các giải pháp tiết kiệm, giải pháp hợp lý hóa các quy trình, giải pháp phát triển bền vững, ứng dụng các công nghệ mới nhằm tăng năng suất. Đồng thời tiếp tục tham gia bình chọn TOP100 doanh nghiệp bền vững do VCCI tổ chức; song song hợp tác chặt chẽ với Ban Phát triển bền vững PAN để cùng chia sẻ thông tin, kinh nghiệm. Nỗ lực tham gia trồng 20-30 hecta rừng phòng hộ.
- Hoàn thiện nhân sự HĐQT và Ban Kiểm soát giai đoạn 2025-2030. Song song sẽ hoàn thiện Chiến lược phát triển giai đoạn năm 2025-2030, là tuyên ngôn hành động cũng như lời cam kết với khách hàng.

b. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2025

• Kế hoạch kinh doanh:

STT	Khoản mục	ĐVT	2025
1	Sản lượng tôm chế biến	Tấn	25.000
2	Sản lượng nông sản chế biến	Tấn	1.300
3	Doanh số tiêu thụ chung	Triệu USD	255
4	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	Tỷ đồng	420
5	Cổ tức	%	20

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Gắn kết với 17 Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs), FIMEX VN nhận diện và tích hợp các vấn đề trọng yếu dựa trên mức độ tác động đến tổng thể hoạt động, phù hợp với chiến lược phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa với lợi ích của các bên liên quan, bao gồm Kinh tế, Môi trường và Xã hội.

a. Trách nhiệm với môi trường

Môi trường là nền tảng, là điều kiện tiên quyết để doanh nghiệp tồn tại và phát triển. Công tác bảo vệ môi trường tốt hay kém không chỉ ảnh hưởng đến hình ảnh của doanh nghiệp, mà còn tác động trực tiếp đến sự sống còn và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Chỉ khi bảo vệ tốt môi trường, doanh nghiệp mới có thể phát triển lâu dài, bền vững. Nhận thức được tầm quan trọng của bảo vệ môi trường, đồng thời với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty FMC luôn chú trọng song song việc tăng gia hiệu quả hoạt động kinh doanh và bảo vệ môi trường. FMC không ngừng tìm tòi, nghiên cứu để tìm ra những giải pháp bảo vệ môi trường hiệu quả mà vẫn đảm bảo tăng trưởng kinh tế.

Hiện tại, FMC đang duy trì và liên tục cải tiến Hệ thống Quản lý Môi trường cho phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 14001:2015 – Tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý môi trường. Việc đạt được chứng nhận ISO 14001 là minh chứng cho lời cam kết của Ban lãnh đạo và nhân viên FMC trong việc giảm thiểu các tác động môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững, chứng tỏ khả năng ứng dụng hiệu quả chiến lược sử dụng năng lượng vào quy trình sản xuất của Công ty. Ngoài ra, trong năm 2023, FMC đã triển khai nhiều biện pháp nhằm hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường, bao gồm:

- Đầu tư các thiết bị xử lý nước thải hiện đại, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn quy định.
- Tích cực áp dụng các công nghệ tiên tiến để giảm thiểu phát thải khí nhà kính, khí thải độc hại.
- Hạn chế tối đa chất thải và tái sử dụng/tái chế chất thải để sử dụng vào mục đích thích hợp.
- Phân loại và xử lý chất thải rắn, lỏng, khí thải,... một cách khoa học, hợp lý.

- Tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, vật liệu.
- Các trại nuôi thực hiện lót bạt 100% các ao, hạn chế ảnh hưởng đến đất và hàng năm có kế hoạch kiểm tra độ dẫn điện đất để giám sát độ nhiễm mặn trong quá trình nuôi lên đất.

Những nỗ lực của FMC trong bảo vệ môi trường đã được ghi nhận và đánh giá cao, điển hình là danh hiệu top 10 Doanh nghiệp Việt bền vững. Việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm của tất cả các doanh nghiệp. FMC mong muốn sẽ tiếp tục đồng hành cùng cộng đồng, góp phần xây dựng một môi trường sống xanh, sạch, đẹp cho thế hệ tương lai.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Với phương châm “Con người là yếu tố cốt lõi cho sự phát triển”, là người trực tiếp vận hành máy móc, thiết bị, tạo ra sản phẩm, dịch vụ cho doanh nghiệp, năng suất lao động của doanh nghiệp phụ thuộc rất lớn vào người lao động. Vì vậy, doanh nghiệp cần tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động phát huy năng lực, sáng tạo, cống hiến.

FMC là một doanh nghiệp luôn chú trọng đến đời sống tinh thần và vật chất của người lao động. Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động khám sức khỏe định kỳ, chăm sóc sức khỏe cho người lao động. Khi người lao động ốm đau, bệnh tật, Công ty có chính sách hỗ trợ nghỉ ốm, tai nạn,... Công ty cũng tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí cho người lao động nhân dịp lễ, tết,... Ngoài ra, Công ty còn khuyến khích con em của người lao động học tập bằng cách phát quà cho những em có thành tích học tập tốt, tổ chức vui chơi, liên hoan cho các cháu nhân dịp Quốc tế thiếu nhi và Trung thu.

Để chia sẻ với người lao động những thành quả do chính họ đã đóng góp cho Công ty, từ nguồn quỹ khen thưởng phúc lợi tích lũy qua nhiều năm, FMC đã xây dựng những công trình và hoạt động phúc lợi cho người lao động như:

- Xây dựng nhà tập thể cho người lao động.
- Công ty có hội trường, là nơi để tổ chức các chương trình sự kiện.
- tổ chức bếp ăn tập thể để cung cấp bữa ăn giữa ca cho tất cả nhân viên. Bữa ăn cho nhân viên của Công ty luôn cung cấp đủ dinh dưỡng và đảm bảo chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Với mong muốn tạo một không gian thoáng mát, sạch sẽ và là nơi tụ họp, thư giãn sau những giờ lao động mệt nhọc cho người lao động, Công ty đã nâng cao chất lượng dịch vụ căn tin và xây dựng phòng giải trí, khu vực nghỉ giải lao sau bữa cơm người lao động.

Với các hoạt động nêu trên, một mặt FMC đã mang lại những giá trị tinh thần to lớn cho người lao động, giúp người lao động yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài cùng Công ty. Mặt khác tạo nên một nét văn hóa đặc trưng của một thương hiệu luôn quan tâm sâu sắc đến đời sống của người lao động. Các hoạt động cho người lao động trong năm 2024:

STT	Hoạt động	Đơn vị tính	Năm 2024
1	Thưởng cho con người lao động đạt thành tích trong học tập (khuyến học)	Triệu đồng	1.121
2	Quà Thiếu nhi	Triệu đồng	314
3	Quà trung thu	Triệu đồng	555

4	Quà 8/3	Triệu đồng	272
5	Chi hỗ trợ thu nhập cho người lao động	Triệu đồng	4.107
6	Chi tiền nghỉ mát	Triệu đồng	5.434

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta luôn đồng hành cùng những mảnh đời khó khăn, sẻ chia những gánh nặng cuộc sống, giúp họ có điều kiện trang trải cuộc sống và cho con em được đến trường. Dù đóng góp không nhiều, nhưng đó là trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng, đồng thời là sự đầu tư vào địa phương về môi trường, nhân lực, vật lực,... góp phần nhỏ vào công cuộc xây dựng địa phương và đất nước. Một đất nước giàu mạnh, một địa phương phát triển cũng là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của Công ty.

IV.ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

a. Tình hình hoạt động 2024

- Nhiều khó khăn và biến động trong môi trường hoạt động ngành tôm Việt đã diễn ra, như lạm phát suy thoái còn kéo dài, như tôm giá rẻ có sức cung lớn... trong khi giá thành tôm nuôi Việt cao và lĩnh vực nuôi tôm bị dịch bệnh khá nặng nề. Song song đó, thêm phức tạp với vụ kiện chống phá giá và vụ kiện chống trợ cấp ngành tôm từ Hoa Kỳ.
- Hội đồng quản trị (HĐQT) đã có sách lược ứng phó khó khăn và thống nhất trong Ban Tổng giám đốc để thực thi sao nhanh nhất, giảm thiểu rủi ro và hiệu quả tốt nhất. Song song luôn coi trọng việc nắm bắt tình hình, tận dụng cơ hội kinh doanh.
- Năm qua, FMC luôn coi trọng tiết kiệm tối đa chi phí; tập trung kinh doanh hàng chế biến sâu, sản phẩm mới. Song song nỗ lực tăng mức tiêu thụ thông qua việc thường xuyên phối hợp các khách hàng lớn, nắm diễn tiến tình hình tiêu thụ để có đối sách nhằm giữ vững hệ thống khách hàng và người tiêu dùng cuối cùng của mình. Việc tăng tiêu thụ cũng là sách lược của FMC nhằm giữ vững thị trường Hoa Kỳ. Trong lĩnh vực nuôi tôm, FMC giữ vững thành quả nuôi tôm thông qua coi trọng việc an toàn sinh học vùng nuôi và giám sát thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc, hạn chế tối đa lây lan dịch bệnh. Đồng thời cũng tìm nguồn cung ứng tôm giống tốt nhất để tăng tỉ lệ nuôi thành công.
- Các chỉ tiêu Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 như phần Báo cáo của Ban Tổng giám đốc.

b. Các hoạt động lớn 2024

- Trong năm 2024, HĐQT đã tiếp nhận 2 đơn từ nhiệm của 2 thành viên là ông Adisak Tosakul (từ ngày 01/06/2024) và ông Tô Minh Chăng (từ 31/07/2024) do hoàn cảnh cá nhân và vị trí công tác. Đồng thời đó, HĐQT cũng bầu bổ sung 01 thành viên đối với ông Watcharawanitchakul (do Cổ đông lớn là Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam đề cử) để thay thế chỗ ông Adisak Tosakul. Như vậy, Số lượng thành viên HĐQT từ 6 thành viên còn 5

thành viên cho nhiệm kỳ còn lại 2020-2025. Việc miễn nhiệm và bổ nhiệm này sẽ được trình đại hội đồng cổ đông gần nhất xem xét.

- Hoạt động nuôi tôm vụ 1 năm 2024 được HĐQT và Ban điều hành công ty mạnh dạng quyết định thả nuôi sớm từ tháng 12/2023, ngay mùa nghịch và đã đem lại hiệu quả khả quan và đóng góp tích cực vào việc giảm giá thành trong năm 2024.

c. Hoạt động liên quan đến môi trường, xã hội

Không chỉ đóng góp tích cực cho kinh tế, tạo ra giá trị cho xã hội và công ăn việc làm cho người dân, Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta còn luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên, khí hậu,... xung quanh Công ty và trong khu vực. Bởi môi trường là nơi nuôi dưỡng sự sống của tất cả chúng ta, tác động xấu đến môi trường sẽ gây ra nhiều rủi ro cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhận thức về môi trường ngày càng nâng cao, các đối tác và người tiêu dùng bắt đầu quan tâm nhiều hơn đến các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Đặc biệt, các đối tác và khách hàng lớn của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta là các nước phát triển như Nhật Bản, Hoa Kỳ, EU,... đều đòi hỏi những sản phẩm chất lượng, đúng quy cách, nghiêm ngặt từ khâu nuôi trồng, chế biến đến xuất khẩu.

Các hoạt động gây ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên của các doanh nghiệp cũng đang dần bị người tiêu dùng lên án. Mặt khác, biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp, khiến giá tài nguyên tăng cao, hiệu quả công việc thấp hơn trong những khu vực bị ô nhiễm và đang ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Do vậy, để tồn tại và phát triển bền vững, các doanh nghiệp buộc phải quan tâm đến các khía cạnh môi trường, hiệu quả sinh thái và năng lượng của từng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Ý thức được những vấn đề trên, Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta đã triển khai nhiều biện pháp bảo vệ môi trường, hướng đến một doanh nghiệp chất lượng, vừa là một phương pháp giữ vững hình ảnh thương hiệu FMC trong mắt khách hàng nội địa và đối tác nước ngoài:

- Áp dụng chuẩn ISO 14000 và chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (GAP): Đây là hệ thống tiêu chuẩn nâng cao chất lượng an toàn thực phẩm, giảm thiểu tác hại đến môi trường và an toàn cho lao động trong quá trình sản xuất, thu hoạch, chế biến nông sản. Nhờ áp dụng các tiêu chuẩn này, Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta đã tạo ra được các sản phẩm có sức cạnh tranh tốt trên thị trường thế giới, nhất là ở các thị trường có tiêu chuẩn cao như Nhật Bản, Hoa Kỳ và EU.
- Khuyến khích sử dụng vật liệu tái chế: Việc sử dụng vật liệu tái chế vừa có lợi cho môi trường, xã hội, vừa có lợi cho doanh nghiệp như giảm giá vốn, hạn chế chi phí xử lý rác thải, đầu tư hệ thống xử lý rác thải.
- Chủ động tìm nguồn nguyên liệu sạch: Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta hoạt động trong ngành nghề thực phẩm, do đó, vấn đề nguyên liệu đầu vào sạch là một thách thức đối với doanh nghiệp nhưng cũng là một cơ hội để doanh nghiệp xây dựng hình ảnh sản phẩm xanh, sản phẩm sạch trong mắt người tiêu dùng. FMC có một quy trình khép kín từ khâu nuôi trồng đến chế biến và đưa ra thị trường. Hệ thống dây chuyền sản xuất được đầu tư hiện đại, đủ khả năng tạo ra những thành phẩm tươi ngon, đảm bảo quy cách. Việc nuôi trồng thủy sản, nông sản cũng được chú trọng; luôn có những chuyên viên với trình độ chuyên môn cao đánh giá các sản phẩm theo những quy chuẩn quốc tế, hướng đến an toàn vệ sinh thực phẩm và đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng.

- Đầu tư máy móc hiện đại: Việc đầu tư máy móc hiện đại không những đảm bảo năng suất, đáp ứng khối lượng hàng hóa xuất ra thị trường, mà còn là một biện pháp tiết kiệm những chi phí cố định như tiết kiệm điện, nước, chi phí sửa chữa,... giảm phát thải ra môi trường, tiêu tốn nhiên liệu.

Với những nỗ lực không ngừng nghỉ trong việc bảo vệ môi trường, Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta đã nhận được nhiều giải thưởng uy tín trong và ngoài nước, góp phần nâng cao hình ảnh thương hiệu FMC trên thị trường.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã chèo lái Công ty vượt qua sóng gió, đạt được những kết quả ấn tượng, hoàn thành xuất sắc kế hoạch, mục tiêu đề ra. Trong bối cảnh kinh doanh đầy thách thức, Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện tài năng và bản lĩnh, đưa ra nhiều giải pháp linh hoạt, kịp thời, đáp ứng nhu cầu của Hội đồng quản trị.

Cụ thể, Ban Tổng Giám đốc đã nghiêm túc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc cũng chủ động xây dựng và triển khai các giải pháp điều hành linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của Hội đồng quản trị.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng và niêm yết chứng khoán theo quy định.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

a. Nhận định tình hình

- Là giai đoạn công nghệ phát triển nhanh nhất, AI trở thành công cụ đắc lực thay thế con người trong nhiều lĩnh vực từ thấp tới cao, từ đơn giản tới phức tạp. Cần tiếp cận và ứng dụng thành quả để nâng cao hiệu suất hoạt động, tăng sức cạnh tranh.
- Là giai đoạn người tiêu dùng quan tâm hơn chất lượng cho cuộc sống. Từ đó tạo ra xu thế, nhu cầu trong hầu hết các lĩnh vực, và thực phẩm là một mối quan tâm hàng đầu. Người tiêu dùng đòi hỏi thực phẩm không chỉ đơn thuần là vệ sinh an toàn; là thêm tiện ích; giờ đây quan tâm nhiều về yêu cầu giữ gìn sức khỏe nên có xu thế sử dụng thực phẩm có nguồn gốc thực vật hoặc sử dụng thịt nhân tạo... Thời gian về sau này, yêu cầu thực phẩm phải thân thiện môi trường, công bằng, nhân đạo... như sản phẩm làm ra không có ảnh hưởng xấu môi trường, không cường bức bóc lột lao động, bảo đảm phúc lợi động vật nuôi...
- Là giai đoạn thế giới rơi vào hoàn cảnh đầy biến động, bất định, phức tạp, mơ hồ. Xung đột chính trị, quân sự có thể xảy ra bất kỳ lúc nào khiến kinh tế thế giới dễ rơi tình trạng trì trệ, dẫn đến nhiều rủi ro phải có giải pháp ngăn ngừa, quản trị.
- Là giai đoạn biến đổi khí hậu khó lường, tác động không tốt tới tình hình phát triển nông sản nói chung, con tôm nói riêng. Khiến việc hoạch định hoạt động phải linh hoạt và có nhiều phương án.

b. Phương hướng 2025 và về sau

• Nhận thức:

FMC nằm trong top 3 doanh nghiệp (DN) tôm Việt. FMC có ba nhà máy chế biến (Nam An Seafood Factory, Tin An Seafood Factory, Sao Ta Seafood Enterprise), công suất lý thuyết chung khoảng 40.000 tấn thành phẩm năm; và một công ty thành viên (Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An – KAF) cũng có ba nhà máy chế biến (An San Vegetable Factory, chuyên chế biến nông sản, công suất 2.500 tấn năm; Kim An Seafood Factory, chuyên chế biến tôm và Tam An Seafood Factory, chuyên chế biến hàng phối

chế, công suất lý thuyết chung khoảng 10.000 tấn năm). Lao động chung trên 5.000 người. Hiện nay hàng năm tổng thể FMC chế biến khoảng 25.000 tấn tôm, khoảng 1.500 tấn nông sản, kim ngạch xuất khẩu khoảng 250 triệu USD. Lợi nhuận chung khoảng 12,5 triệu USD, đạt tỉ suất lợi nhuận trên doanh thu khoảng 5%, tỉ lệ khá tốt so toàn ngành. Thị trường chính của FMC là Nhật, Mỹ, châu Âu, Hàn, Úc. Ở từng thị trường, FMC đều có khách hàng trọng điểm, tiềm năng và cân đối thị phần tùy diễn tiến tình hình, sao có lợi nhất. Khó khăn hiện nay là áp lực cạnh tranh tôm giá rẻ từ Ecuador, Ấn Độ; là giá thành tôm nuôi trong nước còn cao; là hai vụ kiện ở Mỹ khiến việc mua bán ở đây tiềm ẩn nhiều rủi ro không nhỏ.

Ngoài ra FMC còn vùng nuôi tôm rộng trên 500 hecta, sản xuất hai vụ hàng năm có quy trình nuôi vi sinh riêng tự sản xuất, phù hợp đồng đất của mình. Đây là vùng nuôi có tỉ lệ nuôi thành công tốt nhất nước và hàng năm vùng nuôi thu hoạch 10 -15.000 tấn tôm thương phẩm có thể tự túc 30% nguyên liệu và góp phần làm giảm giá thành sản phẩm cuối cùng, tăng lợi thế cạnh tranh.

Cổ phiếu FMC lưu hành trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM với mã tên FMC. FMC có các cổ đông chiến lược là nhóm PAN GROUP và CP VN:

- PAN hỗ trợ FMC về định hướng chiến lược, cả những chương trình huấn luyện cụ thể để đi đúng mục tiêu chung, nhằm đạt tiêu chí phát triển minh bạch và bền vững.
- CP VN là người đồng hành FMC trong hoạt động nuôi tôm; cung ứng các sản phẩm tốt nhất gồm tôm giống, thức ăn, chế phẩm nuôi tôm... để hoạt động nuôi của FMC có kết quả tốt, qua đó cũng là một hành động quảng bá cho CP VN – doanh nghiệp nông nghiệp lớn nhất VN và cũng lớn nhất trong chuỗi cung ứng nuôi tôm.

• **Đối sách:**

Trên nền tảng đang có, nhằm đáp ứng xu thế thế giới và đòi hỏi người tiêu dùng, nhằm đáp ứng các quy định của các cơ quan quản lý nhà nước và nhất là chăm lo tốt hơn đời sống lao động cũng như tham gia phúc lợi cộng đồng, FMC đề ra chiến lược giai đoạn sắp tới (2025-2030 và về sau) như sau: Tập trung hoàn thiện hơn văn hóa doanh nghiệp, nâng cao uy tín thương hiệu, đề cao đạo đức kinh doanh, coi trọng trách nhiệm xã hội... nhằm phát triển FMC bền vững, tiến tới cân bằng phát thải theo lộ trình quốc gia. Đồng thời luôn linh hoạt trong sách lược kinh doanh (thị trường, khách hàng, sản phẩm); từng bước nâng cao tỉ lệ tự chủ nguyên liệu sạch; quan tâm ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chú ý tăng khả năng chống chịu rủi ro và hết sức coi trọng công tác chăm lo thể hệ lãnh đạo nguồn, bảo đảm cho sự hoạt động ổn định và liên tục. Ngoài ra, chú ý giữ tốt sự tương tác với cổ đông chiến lược nhằm tăng cường hỗ trợ và nâng tầm lẫn nhau.

Từ đó, Hội đồng quản trị có hệ thống giải pháp cho từng mảng công việc như sau:

- Tập trung hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp (VHDN): Xây dựng VHDN thân thiện môi trường, phát triển bền vững. Cũng cố các giá trị cốt lõi đang có (trách nhiệm/ chất lượng/ đạo đức/ chia sẻ) trên nền tảng có sự chăm lo, hướng dẫn mọi thành viên cùng chung góc nhìn.
- Nâng cao uy tín thương hiệu: Luôn giữ chữ tín với khách hàng về chất lượng sản phẩm, tiến độ thực hiện hợp đồng đã ký kết và từng bước nâng tầm nhãn hiệu đã gầy dựng 30 năm qua.
- Đề cao đạo đức kinh doanh: Chú trọng các yếu tố trung thực trong hoạt động và các đối tác; giữ chữ tín trong mọi quan hệ thương mại và làm tốt mối quan hệ cộng đồng.
- Coi trọng trách nhiệm xã hội: Chú trọng tất cả các nội dung như chấp hành nghiêm pháp luật; hoạt động có hiệu quả; đóng góp phúc lợi xã hội...

- Linh hoạt trong sách lược kinh doanh:

* *Thị trường*: Tù hoàn cảnh hàng năm, chú trọng thị trường mục tiêu, thị trường trọng điểm để giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Song song vẫn coi trọng các thị trường nhỏ, thị trường tiềm năng (Trung Quốc) và nhanh chóng tiếp cận khi cơ hội diễn ra.

* *Khách hàng*: Nỗ lực giữ vững mối quan hệ các khách hàng lớn và có mối quan hệ thương mại lâu dài, những khách hàng thuộc hệ thống phân phối tiêu thụ cấp cao...là nền tảng để duy trì hoạt động và phát triển. Từ đó, sẵn sàng ưu tiên chia sẻ khó khăn với các khách hàng này, nếu xét thấy có lợi cho chiều sâu. Từ đó, thực thi phương châm (SLOGAN) trong mối tương tác với khách hàng: **Cùng hợp tác, cùng phát triển, cùng thịnh vượng.**

* *Sản phẩm*: Coi trọng việc nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, sản phẩm chế biến sâu nhằm tăng sự cạnh tranh và đa dạng hóa sản phẩm, giảm thiểu rủi ro. Chú trọng sản phẩm mới phù hợp xu thế thế giới như sản phẩm không sử dụng lao động cưỡng bức, bóc lột, lao động trẻ em; sản phẩm có nguồn gốc coi trọng phúc lợi động vật và không gây tác động xấu môi trường.

- Chủ động nguyên liệu sạch: Thông qua nghiên cứu quy trình nuôi vi sinh ngày càng hoàn thiện hơn, giảm thiểu tác hại môi trường; thông qua mở rộng vùng nuôi, tập trung địa bàn gần như Sóc Trăng và Bạc Liêu.

- Ứng dụng công nghệ mới: Chú trọng tìm hiểu và ứng dụng các công nghệ mới trong nuôi tôm, chế biến tôm nhằm kiểm soát tốt, tăng năng suất và sản phẩm an toàn hơn.

- Quản trị rủi ro: Khi thế giới đầy biến động, không nên chủ quan, cần coi trọng quản trị rủi ro các mặt nhằm giảm thiểu tác động xấu.

- Bổ sung, hoàn thiện cơ sở vật chất: Tùy diễn tiến tình hình nhằm tranh thủ mọi cơ hội kinh doanh. Việc nâng cao sản lượng sẽ chú trọng nâng một ca sản xuất lên hai ca sản xuất nhằm giảm chi phí đầu tư, khấu hao nhanh hơn và góp phần giảm giá thành sản phẩm.

- Quan tâm công tác đào tạo và chăm lo thể hệ nguồn: Bảo đảm hoạt động liên tục và phát triển.

- Chăm lo mối tương tác với cổ đông chiến lược: Coi đây là người bạn đồng hành không thể thiếu nếu muốn đi xa.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành phần và cơ cấu HĐQT: Tính tại ngày 31/12/2024

Thành viên Hội đồng quản trị công ty gồm 06 người, gồm: Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, 02 Thành viên HĐQT điều hành và 02 Thành viên độc lập HĐQT. Thành viên Hội đồng quản trị được phân công, phân nhiệm rõ ràng, phụ trách quản trị, định hướng mảng hoạt động phù hợp với chuyên môn và kinh nghiệm quản trị của mình. Trong năm đã có những biến động nhân sự trong HĐQT được nêu tại Khoản 1b, Mục IV của Báo cáo này.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
-----	------------	---------	--------------------	--------------

1	Hồ Quốc Lực	Chủ tịch HĐQT	710.000	1,09%
2	Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT	67.000	0,10%
3	Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT	308.068	0,47%
4	Tô Minh Chưởng	Thành viên HĐQT ⁽¹⁾	8.764	0,01%
5	Nguyễn Văn Khải	Thành viên HĐQT độc lập	0	0,00%
6	Adisak Torsakul	Thành viên HĐQT độc lập ⁽²⁾	0	0,00%
7	Boonlap Watcharawanitchakul	Thành viên HĐQT độc lập ⁽³⁾	0	0,00%

Ghi chú:

- (1) Ông Tô Minh Chưởng từ nhiệm từ 31/07/2024;
(2) Ông Adisak Torsakul từ nhiệm từ 01/06/2024
(3) Ông Boonlap Watcharawanitchakul được HĐQT bổ nhiệm từ 01/06/2024

b. Thông tin HĐQT

1. Ông Hồ Quốc Lực - Chủ tịch HĐQT	
Ngày sinh	07/05/1956
Nơi sinh	Tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ Kinh tế
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT của CTCP Thực phẩm Khang An; TV HĐQT của CTCP Xuất nhập khẩu Thủy Sản Bến Tre (ABT).
Số lượng cổ phần sở hữu	Cá nhân: 710.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,09% VDL Đại diện: không có
Quá trình công tác	
1983 - 1986	Nhân viên phòng Kế hoạch Công ty Thủy sản Xuất nhập khẩu Hậu Giang
1986 - 1991	Phó phòng Kế hoạch Xí nghiệp đông lạnh II Hậu Giang
1991 - 1992	Trưởng phòng Nghiệp vụ Xí nghiệp đông lạnh II
1992 - 1994	Phó Giám đốc Công ty Thủy sản Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
1994 - 1996	Trưởng ban quản lý xây dựng cơ sở Công ty Thực phẩm Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEXVN)
1996 - 2003	Giám đốc Công ty Thực phẩm Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng
2003 - 2006	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần

	Thực phẩm Sao Ta, Chủ tịch Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP)
2007 - 10/2009	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
10/2009 - 03/2018	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
04/2018 - nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Thực phẩm Sao Ta
Từ 6/2020 – Nay	Chủ tịch CTCP Thực phẩm Khang An
Từ 2021 - nay	Thành viên HĐQT Công ty CP XNK Thủy Sản Bến Tre (ABT)

2. Bà Nguyễn Thị Trà My - Phó Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh	10/05/1970
Nơi sinh	Tỉnh Phú Thọ
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP CSC Việt Nam Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Tập đoàn PAN / Chủ tịch HĐQT Công ty CP PAN Farm / Chủ tịch HĐQT CTCP PAN-HULIC / Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam
Số lượng cổ phần nắm giữ	Cá nhân: 67.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,10% VDL Đại diện: không có
Quá trình công tác	
1993 - 1995	Trợ lý TGD Công ty International Business Advisor
1995 - 2012	Giám đốc Tài chính kiêm Phó TGD Công ty Biomin Việt Nam
2007 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP CSC Việt Nam
2013 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam
2016 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Tập đoàn PAN / Chủ tịch HĐQT CTCP PAN Farm / Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam/ Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Thực phẩm Khang An từ tháng 6/2020/Phó Chủ tịch CTCP Thực Phẩm Sao Ta từ tháng 6/2020.

3. Ông Phạm Hoàng Việt - Thành viên HĐQT: xem tại phần 2.b, mục II của Báo cáo

4. Ông Tô Minh Chăng - Thành viên HĐQT: xem tại phần 2.b, mục II của Báo cáo

5. Ông Nguyễn Văn Khải - Thành viên HĐQT độc lập

Ngày sinh	04/11/1967
-----------	------------

Nơi sinh	Tỉnh Thừa Thiên Huế
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản lý Công nghiệp
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên HĐQT độc lập CTCP Thực phẩm Sao Ta
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chế HXK Long An (LAF) Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty CP Chứng Khoán SSI (SSI) Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK Thủy Sản Bến Tre (ABT) Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy Sản 584 Nha Trang
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Số lượng cổ phần nắm giữ	Cá nhân: không có Đại diện: không có
Quá trình công tác	
06/1994 - 06/1995	Trợ lý Tổng Giám đốc - Công ty Liên doanh VU-TRAC
06/1995 - 12/1996	Kỹ sư - Công ty Liên doanh VU-TRAC
12/1998 - 05/2018	Giám đốc Điều hành Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình/ Phó Tổng Giám đốc - (Công ty CP Tập đoàn PAN)
11/1999 - nay	Trưởng Ban kiểm soát - Công ty CP Chứng Khoán Sài Gòn (SSI)
09/2013 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy Sản Bến Tre (ABT)
04/2014 - nay	Chủ tịch HĐQT - Công Ty CP Thủy Sản 584 Nha Trang
07/2014 - nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Chế Biến HXK Long An (LAF)
06/2020 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CPTP Sao Ta (FMC)

6. Ông Adisak Torsakul - Thành viên HĐQT độc lập	
Ngày sinh	25/06/1967
Nơi sinh	Thái Lan
Quốc tịch	Thái Lan
Trình độ chuyên môn	Cử nhân chuyên ngành Khoa học Động vật tại Đại học Khon Kaen- Thái Lan.
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Phó Tổng Giám đốc Điều hành - Mảng kinh doanh thức ăn chăn nuôi và trang trại thủy sản (Việt Nam) Công ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam

Số lượng cổ phần nắm giữ	Cá nhân: không có Đại diện: không có
Quá trình công tác	
01/07/1988 - 31/12/1988	Charoen Pokphand Foods
01/01/1989 - 31/05/1995	Bangkok Feedmill Co., Ltd
01/06/1995 - 31/10/1996	Sea Pharm Co., Ltd
01/11/1996 - 31/12/1998	Seafood Enterprise Co., Ltd
01/01/1999 - 30/04/2002	Nakhon Farm Aquatic Animal Breed Co., Ltd
01/05/2002 - 31/03/2003	C.P. Myanmar
01/04/2003 - 31/08/2010	Công Ty cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam
01/09/2010 - 31/03/2016	Charoen Pokphand Foods
01/04/2016 - Nay	Công Ty cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam
15/04/2022 – Nay	Thành viên hội đồng quản trị độc lập Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

7. Ông Boonlap Watcharawanitchakul	
Ngày sinh	02/08/1972
Nơi sinh	Bangkok
Quốc tịch	Thailand
Trình độ chuyên môn	Cử Nhân Đại Học Kasetsart -Thái Lan.
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Phó Tổng Giám Đốc Cấp Cao phụ trách ngành Thủy Sản tại C.P Việt Nam
Số lượng cổ phần sở hữu	
Quá trình công tác	
Từ 2001 - 2002	CPF– Trưởng Nhóm
Từ 2002 - 2004	CPF- Trưởng Bộ Phận
Từ 2004 - 2006	CPVN – Giám Đốc
Từ 2006 - 2008	CPVN – Trợ lý Phó Tổng Giám Đốc
Từ 2009 - 2015	CPVN- Phó Tổng Giám Đốc
Từ 2016 - 2025	CPVN- Phó Tổng Giám Đốc Cấp Cao

c. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

d. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hoạt động kiểm tra, giám sát công tác quản lý, điều hành việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

được Hội đồng quản trị thực hiện thường xuyên và chặt chẽ. Mục tiêu chính là nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của công ty, từ đó đưa ra các định hướng, giải pháp và chiến lược phù hợp, đảm bảo việc kinh doanh luôn bám sát mục tiêu đề ra và đạt hiệu quả tối ưu.

Trong năm HĐQT đã có 5 cuộc họp định kỳ và bất thường, cũng như đưa ra nhiều Nghị quyết quan trọng nhằm bảo đảm cho hoạt động chung thông suốt. Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 phiên họp định kỳ và bất thường.

Tỷ lệ tham gia của các thành viên HĐQT cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Hồ Quốc Lực	Chủ tịch HĐQT	05/05	100%
2	Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT	05/05	100%
3	Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT điều hành	05/05	100%
4	Tô Minh Chăng	Thành viên HĐQT điều hành	04/05	80%
5	Nguyễn Văn Khải	Thành viên HĐQT độc lập	05/05	100%
6	Adisak Torsakul	Thành viên HĐQT độc lập	01/05	20%
7	Boonlap Watcharawanitchakul	Thành viên HĐQT độc lập	02/05	40%

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/NQ.HĐQT.24	26/02/2024	Nghị quyết thống nhất chốt danh sách, thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024	100%
02	02/NQ.HĐQT.24	23/04/2024	Nghị quyết về việc trả cổ tức 2023 bằng tiền mặt	100%
03	03/NQ.HĐQT.24	14/04/2024	Nghị quyết về việc/ <i>The resolution of:</i> - Chấp nhận đơn từ nhiệm của ADISAK TORSAKUL và bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế đối với ông Boonlap Watcharawanitchakul - Lựa chọn Công ty Kiểm toán để soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 tại Nghị quyết số 024/NQ_ĐHĐCĐ ngày 19/04/2024 là CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM	100%

e. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Trong năm đã có 5 cuộc họp định kỳ và bất thường, cũng như đưa ra nhiều Nghị quyết quan trọng nhằm bảo đảm cho hoạt động chung thông suốt. Những nội dung cụ thể được nêu trong Báo cáo quản trị năm 2024 (đã được công bố thông tin trên phương tiện đại chúng), đó là:

- Nhất trí thông qua văn bản trình nội dung cuộc họp của Chủ tịch HĐQT cho việc tổng kết hoạt động năm 2023 và phương hướng cho năm 2024;
- Thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 trình đại hội xem xét thông qua;
- Thông qua báo cáo hoạt động quý 1/2024 và phương hướng các tháng còn lại của năm;
- Thông qua thời gian và địa điểm tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 vào ngày 19/04/2024 tại Hội trường lớn trụ sở chính của công ty; cũng thông qua các tài liệu phục vụ đại hội này.
- Chấp thuận đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT kể từ ngày 01/06/2024 đối với ông Adisak Tosakul.
- Thống nhất bổ sung thành viên HĐQT (thay thế ông Adisak) theo công văn số 240529/CV-SAOTA ngày 29/05/2024 của Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam đề cử đối với ông Boonlap Watcharawanitchakul.
- Thống nhất lựa chọn Công ty Kiểm toán Deloitte là đơn vị kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2024 theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 tại Nghị quyết số 024/NQ_ĐHĐCĐ ngày 19/04/2024
- Tổng kết kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2024, quý 3/2024 và kế hoạch hoạt động của những tháng còn lại trong năm 2024.
- Chấp nhận đơn từ nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Tô Minh Chưởng và sẽ trình tại đại hội đồng cổ đông gần nhất xem xét việc miễn nhiệm này.

Đánh giá về hoạt động HĐQT trong năm 2024:

- Công việc thường xuyên luôn được duy trì là sự phối hợp giữa HĐQT và Ban điều hành để kịp thời có những quyết sách phù hợp, góp phần đưa hoạt động FMC vượt qua khó khăn và quan trọng hơn là đạt những thành quả đáng khích lệ trong bối cảnh đầy biến động của kinh tế thế giới.

- HĐQT đã làm việc tích cực, hiệu quả: thường xuyên cập nhật, tình hình thị trường thế giới và các diễn biến kinh tế vĩ mô, qua đó đã đưa ra các khuyến nghị định hướng cho Ban Giám đốc trong điều hành hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty.

f. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có

g. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

Không có

h. Ban Kiểm soát

- **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:** Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Lưu Nguyễn Trúc Dung	Trưởng BKS	-	-
2	Lý Thái Hưng	Thành viên BKS	-	-
3	Lý Thị Kim Yến	Thành viên BKS	-	-

- **Hoạt động của Ban kiểm soát**

Về công tác quản lý điều hành của Công ty năm 2024

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát các hoạt động điều hành của Ban TGD để đảm bảo hoạt động kinh doanh của công ty được an toàn và hiệu quả. HĐQT duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ theo qui định, các thành viên HĐQT đã tham gia, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, đưa ra các quyết định kịp thời.
- Ban TGD đã hoàn thành tốt hoạt động kinh doanh của công ty theo đúng pháp luật, nghị quyết của ĐHĐCĐ, phù hợp các nghị quyết và quyết định của HĐQT và điều lệ của công ty.
- Sự phối hợp giữa BKS, HĐQT và Ban TGD của công ty được thực hiện chặt chẽ, theo sát nghị quyết của ĐHĐCĐ. Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các văn bản, tài liệu cần thiết trong quá trình giám sát việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và Ban TGD.

Hoạt động của ban kiểm soát trong năm 2024

Giám sát, đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban TGD trong suốt niên độ, liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động kinh doanh của cty đã được ĐHĐCĐ thông qua và việc tuân thủ các qui định của pháp luật và điều lệ của công ty đối với HĐQT, Ban TGD trong việc quản lý và điều hành công ty.

BKS gồm 3 thành viên, trong năm BKS có tổ chức 2 phiên họp định kỳ, BKS phân công các thành viên nghiêm túc thực hiện tốt nhiệm vụ, có ý kiến kịp thời về tình hình SXKD của công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình. Các thành viên BKS đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công, tham gia đầy đủ các phiên họp. BKS được HĐQT cũng như Ban TGD luôn tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên trong BKS hoàn thành nhiệm vụ.

Số tiền thù lao của Ban kiểm soát trong năm là 276 triệu.

Kết quả giám sát tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh

Ban kiểm soát thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính hợp nhất, được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam, theo ý kiến của kiểm toán : Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý.

Các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Lưu Nguyễn Trúc Dung	Trưởng BKS	02	100%
2	Lý Thái Hưng	Thành viên BKS	02	100%
3	Lý Thị Kim Yến	Thành viên BKS	02	100%

2. Kế hoạch hoạt động thời gian tới của BKS

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động quản trị, điều hành và sản xuất kinh doanh của công ty

đảm bảo công khai, minh bạch và cung cấp thông tin đến cổ đông khi có yêu cầu theo Luật định và Điều lệ hoạt động của công ty.

- Kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh của công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua, soát xét báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo bán niên, báo cáo hàng năm.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thù lao	Tổng lương và Thu nhập khác
1	Hồ Quốc Lực	Chủ tịch HĐQT	144,000,000	1,850,503,000
2	Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT	144,000,000	400,000,000
3	Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	108,000,000	1,889,933,000
4	Tô Minh Chảnh	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	99,000,000	1,339,423,000
5	Nguyễn Văn Khải	Thành viên HĐQT độc lập	108,000,000	250,000,000
6	Adisak Torsakul	Thành viên HĐQT độc lập	27,000,000	250,000,000
7	Boonlap Watcharawanitchakul	Thành viên HĐQT độc lập	81,000,000	-
8	Lưu Nguyễn Trúc Dung	Trưởng BKS	108,000,000	714,631,000
9	Lý Thái Hưng	Thành viên	84,000,000	662,975,000
10	Lý Thị Kim Yến	Thành viên	84,000,000	120,000,000
11	Mã Ích Hưng	Phó Tổng Giám đốc	-	1,525,161,000
12	Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	-	1,178,566,000
13	Lê Ngọc Hương	Phó Tổng Giám đốc	-	1,056,753,000
14	Nguyễn Mộc Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	-	466,291,000
Tổng cộng			987,000,000	11.704.236.000

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Trong năm 2024, các thành viên HĐQT, TGD, kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên không thực hiện giao dịch cổ phiếu nội bộ.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên lạc	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số NQ/ QĐ của ĐHĐCD/ HĐQT thông qua	Nội dung, tổng giá trị giao dịch (đồng)	
1	CTCP Thực phẩm Khang An	Công ty thành viên	Giấy CNĐKDN số 2200780985 cấp ngày 19/08/2020 và các lần sửa đổi	Lô B, KCN An Nghiệp, huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng	Năm 2021	06/NQ.HĐQT.23 ngày 26/12/2023	Thu hộ ủy thác	385.593.135.462
							Mua hàng hóa	4.676.817.600
							Bán hàng hóa	9.104.316.000
							Chi hộ ủy thác	18.627.937.785
							Chi hộ	73.061.093
							Thu nhập cổ tức	21.648.000.000
							Cung cấp dịch vụ xuất khẩu ủy thác	93.000.000
							Phí hợp tác kinh doanh	1.133.811.000
2	Công ty TNHH Vĩnh Thuận	Công ty thành viên	Giấy CNĐKDN số 2200205569 cấp lần đầu ngày 15/05/2002 và các lần sửa đổi	Khóm Biền Trên, Phường Vĩnh Phước, Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng	Quý 3/2022	06/NQ.HĐQT.23 ngày 26/12/2023	Phí thuê tài sản	28.260.069.656
3	CTCP Tập đoàn PAN	Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10%	Giấy CNĐKDN số 0301472704 cấp ngày 20/03/2020 và các lần sửa đổi	Tầng 15, tòa ICON4, số 243A, Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội		06/NQ.HĐQT.23 ngày 26/12/2023	Chia cổ tức	49.369.356.000
4		Cổ đông lớn	Giấy CNĐKDN số 1300376365 cấp ngày		Năm 2021	06/NQ.HĐQT.23 ngày 26/12/2023	Chia cổ tức	16.178.000.000
							Bán hàng hóa	4.661.623.000

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên lạc	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, tổng giá trị giao dịch (đồng)	
	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre		25/12/2003 và các lần sửa đổi	Xã Tân Thạch, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre			Mua dịch vụ	0
5	CTCP Chăn nuôi C.P Việt Nam	Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10%	Giấy CNĐKDN số 3600224423 cấp lần đầu ngày 22/07/1996 và các lần sửa đổi	KCN Biên Hòa II, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Quý 4/2021	06/NQ.HĐQT.23 ngày 26/12/2023	Chia cổ tức	32.563.666.000
							Mua hàng hóa	376.690.314.350

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

HDQT xác định nâng cao chất lượng và năng lực quản trị công ty là một nội dung quan trọng trong định hướng chiến lược của Công ty nhằm xây dựng một hệ thống quản trị vững mạnh trên cơ sở vận dụng các thông lệ quốc tế, kết hợp với sức mạnh tổng thể của các nguồn lực trong toàn hệ thống để kiểm soát, giám sát các hoạt động của công ty một cách có trách nhiệm, minh bạch và hiệu quả.

- Công ty đã thực hiện theo quy định về quản trị Công ty theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020. Cụ thể tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 (nghị quyết số 20/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2021) đã thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty, đồng thời ban hành các quy chế như Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế HDQT, Quy chế BKS.
- Thực hiện ký kết hợp đồng với Công ty kiểm toán phía nam (AASCS) thực hiện kiểm toán nội bộ năm 2024 theo quy định tại Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019.
- Tiếp tục cập nhật, sửa đổi, bổ sung và tuân thủ các quy định về công bố và minh bạch thông tin theo yêu cầu tại Thông tư 96/2020/TT-BTC;
- Cập nhật thông tin thường xuyên trên website: Hoạt động công bố thông tin, tình hình sản xuất kinh doanh định kỳ và các hoạt động khác được Công ty cập nhật thường xuyên trên Website cho các cổ đông, khách hàng, nhà đầu tư trong và ngoài nước dễ dàng tiếp cận;
- Tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tham gia do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các đơn vị uy tín tổ chức. Bên cạnh đó, với cam kết thực hiện quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất, Công ty sẽ thường xuyên cập nhật các kiến thức, thông lệ quốc tế về quản trị công ty trong và ngoài nước, đồng thời chủ động chia sẻ các thông tin liên quan đến quản trị doanh nghiệp và mô hình tổ chức bộ máy với các cổ đông lớn là tổ chức để tận dụng kinh nghiệm trong việc phát triển mô hình quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực quản trị quốc tế;
- Đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro, tuân thủ và kiểm toán nội bộ để cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động quản trị doanh nghiệp

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Sóc Trăng, ngày 17 tháng 04 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)


Phạm Hoàng Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Quốc Lực	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên độc lập
Ông Boonlap Watcharawanitchakul	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2024)
Ông Tô Minh Chăng	Thành viên (từ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2024)
Ông Adisak Torsakul	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Hoàng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Lê Ngọc Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mã Ích Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mộc Khiêm	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2024)

Ban Kiểm soát

Bà Lưu Nguyễn Trúc Dung	Trưởng ban
Ông Lý Thái Hưng	Thành viên
Bà Lý Thị Kim Yến	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Hoàng Việt

Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2025

Số: 0351/VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2025, từ trang 5 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 25 tháng 3 năm 2024 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Thị Thu Sang

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1144-2023-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 20 tháng 3 năm 2025

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Mai Hồng Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4834-2024-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.641.239.437.985	2.127.050.626.036
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.077.460.582.378	451.603.648.884
1. Tiền	111		91.860.582.378	41.432.602.884
2. Các khoản tương đương tiền	112		985.600.000.000	410.171.046.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		140.043.256.925	97.416.519.173
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	140.043.256.925	97.416.519.173
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		370.481.462.814	491.782.381.783
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	356.928.447.613	247.892.771.166
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	9.388.171.391	18.484.294.325
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	217.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.164.843.810	8.405.316.292
IV. Hàng tồn kho	140	9	1.001.947.789.487	999.826.960.186
1. Hàng tồn kho	141		1.001.947.789.487	999.826.960.186
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		51.306.346.381	86.421.116.010
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	21.324.022.201	47.668.869.691
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		29.982.324.180	38.752.246.319
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.133.649.464.998	1.229.133.450.958
I. Tài sản cố định	220		768.061.167.034	848.375.105.053
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	764.369.334.350	846.052.932.907
- Nguyên giá	222		1.724.139.502.168	1.692.286.492.474
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(959.770.167.818)	(846.233.559.567)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	3.691.832.684	2.322.172.146
- Nguyên giá	228		6.099.698.437	4.452.274.496
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.407.865.753)	(2.130.102.350)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		90.684.855.028	95.601.926.031
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	90.684.855.028	95.601.926.031
III. Tài sản dài hạn khác	260		274.903.442.936	285.156.419.874
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	265.452.341.113	280.442.455.465
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	9.451.101.823	4.713.964.409
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.774.888.902.983	3.356.184.076.994

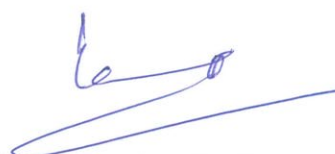
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.308.985.491.015	1.122.043.529.157
I. Nợ ngắn hạn	310		1.297.239.673.765	1.111.721.604.907
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	118.099.892.333	106.178.101.220
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	15.133.834.791	2.797.675.915
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	4.195.692.239	7.078.619.316
4. Phải trả người lao động	314		96.886.554.979	71.047.980.854
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	114.814.455.639	44.908.504.091
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		595.781.242	363.283.285
7. Vay ngắn hạn	320	19	901.581.043.308	824.121.975.749
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	45.932.419.234	55.225.464.477
II. Nợ dài hạn	330		11.745.817.250	10.321.924.250
1. Phải trả dài hạn khác	337		885.000.000	835.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	10.860.817.250	9.486.924.250
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.465.903.411.968	2.234.140.547.837
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	2.465.903.411.968	2.234.140.547.837
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		653.888.890.000	653.888.890.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		653.888.890.000	653.888.890.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		593.681.126.002	593.681.126.002
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		920.130.829.923	781.167.252.495
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		614.430.317.509	505.100.163.093
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm nay	421b		305.700.512.414	276.067.089.402
4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		298.202.566.043	205.403.279.340
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.774.888.902.983	3.356.184.076.994

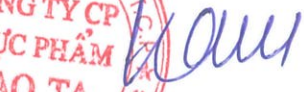


Lý Thị Thu Hồng
Người lập biểu



Tô Minh Chăng
Kế toán trưởng





Phạm Hoàng Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết		Năm nay	Năm trước
	Mã số	minh		
1. Doanh thu bán hàng	01	24	6.920.256.745.568	5.089.081.007.694
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	7.633.256.410	1.688.007.779
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		6.912.623.489.158	5.087.392.999.915
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	6.160.943.040.573	4.594.468.806.420
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		751.680.448.585	492.924.193.495
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	112.137.556.837	72.936.248.973
7. Chi phí tài chính	22	28	53.243.210.391	61.457.891.439
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.192.064.018	28.215.238.714
8. Chi phí bán hàng	25	29	297.000.179.598	121.784.059.524
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	91.457.807.651	78.979.856.518
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		422.116.807.782	303.638.634.987
11. Thu nhập khác	31		288.642.372	994.554.961
12. Chi phí khác	32		595.044.810	37.298.449
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(306.402.438)	957.256.512
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		421.810.405.344	304.595.891.499
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	3.931.514.213	1.633.240.589
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	14	(4.737.137.414)	626.319.744
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		422.616.028.545	302.336.331.166
17.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		305.700.512.414	276.067.089.402
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		116.915.516.131	26.269.241.764
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	4.675	3.672

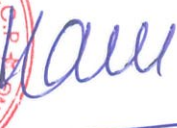


Lý Thị Thu Hồng
Người lập biểu



Tô Minh Chăng
Kế toán trưởng





Phạm Hoàng Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	421.810.405.344	304.595.891.499
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	183.806.166.364	154.278.778.410
Các khoản dự phòng	03	1.373.893.000	130.585.500
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(10.648.561.858)	1.824.439.688
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(23.835.210.130)	(21.881.860.907)
Chi phí lãi vay	06	23.192.064.018	28.215.238.714
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	595.698.756.738	467.163.072.904
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(100.243.789.258)	14.437.845.211
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.120.829.301)	(70.747.732.578)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	141.528.375.327	(93.059.865.775)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	41.514.133.316	(61.366.293.259)
Tiền lãi vay đã trả	14	(23.038.701.201)	(28.311.126.353)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.879.713.875)	(4.335.387.168)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(49.016.431.657)	(16.599.666.383)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	601.441.800.089	207.180.846.599
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(114.049.204.668)	(217.783.092.033)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	202.693.603	928.367.003
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(352.243.736.925)	(378.369.676.556)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	526.616.999.173	75.022.003.308
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	2.000.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.190.723.210	12.895.081.784
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	87.717.474.393	(505.307.316.494)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.201.948.315.795	4.493.951.195.410
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.122.825.549.355)	(4.188.124.362.846)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(151.126.778.000)	(142.649.778.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(72.004.011.560)</i>	<i>163.177.054.564</i>
 Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	617.155.262.922	(134.949.415.331)
 Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	451.603.648.884	585.329.354.328
 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	8.701.670.572	1.223.709.887
 Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.077.460.582.378	451.603.648.884



Lý Thị Thu Hồng
Người lập biểu



Tô Minh Chăng
Kế toán trưởng




Phạm Hoàng Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 09 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 2200208753 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2002, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là FMC từ ngày 07 tháng 12 năm 2006.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km 2132 Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 5.652 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 5.174 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con mà Công ty nắm giữ tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An	Sóc Trăng	51,54%	51,54%	Chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản
Công ty TNHH Vĩnh Thuận	Sóc Trăng	99,10%	100%	Nuôi trồng thủy sản

Thông tin chi tiết về các chi nhánh của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta - Xí nghiệp nuôi thủy sản Xuân Phú	Thửa đất Số 1, Tờ bản đồ Số 13 tại ấp Tân Nam, Xã Vĩnh Tân, Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
2.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta - Nhà máy Thủy sản Tin An	Lô N, Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Sóc Trăng, Việt Nam
3.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta - Nhà máy Thủy sản Nam An (FIMEX VN)	Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
4.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta - Nhà máy Thủy sản Sao Ta	Lô K, Khu Công Nghiệp An Nghiệp, Phường 7, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

112
CHI
ÔNG
KIẾ
ĐẠI
VIẾ
1-1

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của công ty con của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán các loại hàng tồn kho còn lại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.



Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	02 – 15
Máy móc và thiết bị	02 – 11
Phương tiện vận tải	02 – 08
Thiết bị quản lý	03 – 07
Khác	04 – 10

Trong đó, đối với những tài sản phục vụ nuôi tôm, chi phí khấu hao hàng năm được phân bổ vào giá thành tôm nuôi tương ứng với mỗi vụ nuôi tôm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa lãi từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước năm 2003 theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 39 đến 50 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 01 đến 06 năm. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phí bảo hiểm, công cụ và dụng cụ xuất dùng, chi phí bảo trì tài sản cố định và chi phí cải tạo ao.

Giá trị quyền sử dụng đất bao gồm:

- Tiền thuê đất đã được trả trước theo các hợp đồng thuê đất ký với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng; và
- Giá trị quyền sử dụng đất khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn sau năm 2003.

Giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng còn lại.

Phí bảo hiểm được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian được bảo hiểm.

Các chi phí trả trước khác bao gồm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng, là giá trị các công cụ, dụng cụ phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh liên quan đến nhiều năm tài chính;
- Chi phí bảo trì tài sản cố định, là các chi phí duy tu, bảo dưỡng, thay thế sửa chữa những hư hỏng phát sinh trong quá trình hoạt động nhằm khôi phục lại năng lực hoạt động theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu của tài sản; và
- Chi phí cải tạo ao.

Các chi phí này được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty và được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Trong đó, đối với những khoản chi phí trả trước phục vụ nuôi tôm, chi phí phân bổ hàng năm được phân bổ vào giá thành tôm nuôi tương ứng với mỗi vụ nuôi tôm.

Các khoản phải trả

Phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo phải trích trước phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Cổ tức chỉ được chi trả khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi có Quyết định chia cổ tức của Hội đồng Quản trị và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

Lãi tiền gửi, tiền cho vay và lãi đầu tư

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không tính thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	3.754.481.823	2.250.860.677
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	88.106.100.555	39.181.742.207
Các khoản tương đương tiền (i)	985.600.000.000	410.171.046.000
	1.077.460.582.378	451.603.648.884

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tương đương tiền phản ánh giá trị các hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng thương mại của Công ty và các công ty con với kỳ hạn gốc không quá 03 tháng và lãi suất từ 4,4%/năm đến 4,75%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 2,5%/năm đến 4,25%/năm).

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	140.043.256.925	-	97.416.519.173	-
	140.043.256.925	-	97.416.519.173	-

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tiền gửi có kỳ hạn phản ánh giá trị các hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng thương mại của Công ty và công ty con với kỳ hạn gốc trên 03 tháng đến 12 tháng và lãi suất từ 3,0%/năm đến 4,6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3,75% đến 8,2%/năm).

Một số hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng của Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An - công ty con của Công ty với giá trị 50.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho hạn mức tín dụng tại ngân hàng này như trình bày tại thuyết minh số 19.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Amanda Seafood Private Limited	182.713.196.790	133.178.947.776
Kyokuyo Co.,Ltd	47.928.427.170	38.240.015.240
Mazzetta Company, LLC	29.287.044.087	26.066.299.000
SK Food Brand, Inc.	14.916.509.025	-
K&H Food Impex GmbH	17.521.668.900	3.843.890.400
Khác	64.561.601.641	46.563.618.750
	356.928.447.613	247.892.771.166

Quyền thụ hưởng toàn bộ khoản phải thu đã được sử dụng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn của Công ty và Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An - công ty con của Công ty tại các ngân hàng thương mại như trình bày tại Thuyết minh số 19 và hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Tâm My	2.584.027.304	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Việt-Úc	1.054.100.000	-
Công ty TNHH Anh Phát	923.400.000	1.147.285.425
Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng Việt Kiến Tường	-	1.709.100.000
Công ty Cổ phần Năm Dững	-	3.047.868.000
Khác	4.826.644.087	12.580.040.900
	9.388.171.391	18.484.294.325
Trong đó: Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 32)	-	4.352.632.274

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.860.200.128	7.418.636.811
Tạm ứng cho nhân viên	68.940.213	342.626.616
Chi hộ	198.277.101	190.599.976
Phải thu khác	37.426.368	453.452.889
	4.164.843.810	8.405.316.292
Trong đó: Phải thu khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 32)	-	5.038.479.453

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	545.671.143.170	-	788.986.654.881	-
Hàng gửi đi bán	161.450.208.035	-	77.470.322.318	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	85.264.224.915	-	41.625.117.476	-
Nguyên vật liệu	106.391.701.782	-	49.698.234.247	-
Công cụ, dụng cụ và bao bì	50.546.796.375	-	40.374.838.064	-
Hàng mua đang đi trên đường	52.623.715.210	-	1.671.793.200	-
	1.001.947.789.487	-	999.826.960.186	-

Toàn bộ hàng tồn kho, ngoại trừ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, của Công ty và Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An - công ty con của Công ty đã được sử dụng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại các ngân hàng thương mại như trình bày tại Thuyết minh số 19 và hạn mức tín dụng của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	20.689.770.543	46.637.678.996
Phí bảo hiểm	634.251.658	1.031.190.695
	21.324.022.201	47.668.869.691
b. Dài hạn		
Quyền sử dụng đất	218.002.017.270	224.563.256.482
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	36.929.625.181	51.728.184.961
Chi phí bảo trì tài sản cố định	10.151.943.637	2.627.017.883
Chi phí cải tạo ao	368.755.025	1.523.996.139
	265.452.341.113	280.442.455.465

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Khác	Tổng
	VND	VND	VND		VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	770.321.217.376	818.511.794.951	81.441.172.000	12.310.851.668	9.701.456.479	1.692.286.492.474
Tăng do mua sắm	3.155.735.487	60.432.599.013	4.137.033.334	685.681.818	1.641.715.610	70.052.765.262
Xây dựng cơ bản hoàn thành	18.861.526.879	223.682.509	-	-	-	19.085.209.388
Tăng khác	8.818.232.074	3.668.526.190	399.242.964	-	-	12.886.001.228
Thanh lý	-	(3.319.166.255)	-	-	-	(3.319.166.255)
Xóa sổ (i)	(53.131.313.437)	(11.591.282.375)	(305.272.727)	-	(409.456.190)	(65.437.324.729)
Giảm khác	(1.349.047.200)	(65.428.000)	-	-	-	(1.414.475.200)
Số dư cuối năm	746.676.351.179	867.860.726.033	85.672.175.571	12.996.533.486	10.933.715.899	1.724.139.502.168
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	306.361.525.837	479.570.560.208	44.811.250.539	10.128.592.115	5.361.630.868	846.233.559.567
Khấu hao trong năm	88.763.603.787	83.630.709.874	9.603.541.497	794.362.499	736.185.304	183.528.402.961
Thanh lý	-	(3.319.166.255)	-	-	-	(3.319.166.255)
Xóa sổ (i)	(53.131.313.437)	(11.591.282.375)	(305.272.727)	-	(409.456.190)	(65.437.324.729)
Giảm khác	(1.186.232.722)	(49.071.004)	-	-	-	(1.235.303.726)
Số dư cuối năm	340.807.583.465	548.241.750.448	54.109.519.309	10.922.954.614	5.688.359.982	959.770.167.818
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	463.959.691.539	338.941.234.743	36.629.921.461	2.182.259.553	4.339.825.611	846.052.932.907
Tại ngày cuối năm	405.868.767.714	319.618.975.585	31.562.656.262	2.073.578.872	5.245.355.917	764.369.334.350

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 419.384.942.003 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 403.709.744.724 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình được Công ty sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng là 313.018.498.488 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 368.770.701.133 VND) như trình bày tại Thuyết minh số 19.



- (i) Trong năm, Ban Giám đốc của Công ty TNHH Vĩnh Thuận - công ty con của Công ty đã thực hiện xóa sổ một số nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị theo Quyết định số 59/2024-QĐTLTS ngày 31 tháng 12 năm 2024 để phù hợp với hiện trạng sử dụng của một số nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị này.

Trong năm, Ban Giám đốc của Công ty TNHH Vĩnh Thuận - công ty con của Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của một số nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị để phù hợp với tuổi thọ kỹ thuật theo thiết kế, hiện trạng sử dụng và tình trạng thực tế của nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị này. Nếu Công ty vẫn áp dụng thời gian sử dụng như năm trước, chi phí khấu hao cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ giảm 3.257.764.592 VND.

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	3.270.412.686	1.181.861.810	4.452.274.496
Tăng trong năm	1.601.423.941	46.000.000	1.647.423.941
Số dư cuối năm	4.871.836.627	1.227.861.810	6.099.698.437
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	1.107.410.540	1.022.691.810	2.130.102.350
Khấu hao trong năm	80.260.073	197.503.330	277.763.403
Số dư cuối năm	1.187.670.613	1.220.195.140	2.407.865.753
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	2.163.002.146	159.170.000	2.322.172.146
Tại ngày cuối năm	3.684.166.014	7.666.670	3.691.832.684

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.181.861.810 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 685.096.810 VND).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí phát triển dự án nuôi tôm	63.369.993.757	60.985.682.893
Máy móc đang chờ lắp đặt	11.283.109.687	19.794.585.957
Dự án nhà máy chế biến thủy sản Tam An	12.603.456.717	13.492.919.004
Khác	3.428.294.867	1.328.738.177
	90.684.855.028	95.601.926.031

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
<i>Hoạt động chịu thuế suất ưu đãi</i>	10%	10%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	9.451.101.823	4.713.964.409
Trong đó:		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chi phí thuế chống bán phá giá trích trước	8.462.368.255	3.843.174.667
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chi phí thuế chống trợ cấp trích trước	66.218.942	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản dự phòng trợ cấp thôi việc	980.260.025	844.633.275
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(57.745.399)	26.156.467
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	9.451.101.823	4.713.964.409

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Kyokuyo Company Limited	36.291.125.772	8.591.833.077
Laitram Machinery, Inc	17.630.190.000	11.794.860.000
Công ty TNHH Bao bì xuất khẩu và Thương mại Vạn Thành	4.886.182.138	4.730.522.347
Amanda Seafood Private Limited	-	47.181.818.020
Khác	59.292.394.423	33.879.067.776
	118.099.892.333	106.178.101.220
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 32)	2.888.871.351	1.151.200.000

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chicken of the Sea Frozen Foods	4.905.855.900	-
Trident Seafoods Corporation	3.077.988.480	-
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Quý Phương	2.463.177.298	-
Noramix Trade AS	2.002.508.789	-
Khác	2.684.304.324	2.797.675.915
	15.133.834.791	2.797.675.915

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	6.156.679.865	22.747.381.112	27.082.604.936	1.821.456.041
Thuế thu nhập doanh nghiệp	557.276.589	3.931.514.213	2.879.713.875	1.609.076.927
Thuế giá trị gia tăng	355.195.662	2.774.920.137	2.382.272.928	747.842.871
Các khoản thuế khác và phải nộp khác	9.467.200	540.667.297	532.818.097	17.316.400
	7.078.619.316	29.994.482.759	32.877.409.836	4.195.692.239

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí thuế chống bán phá giá (i)	102.974.980.759	41.892.463.225
Chi phí thuế chống trợ cấp (ii)	932.866.461	-
Chi thường hiệu quả nuôi tôm	3.200.000.000	-
Chi phí gia công lột tôm	1.592.140.000	-
Chi phí tôm nguyên liệu	1.183.012.000	1.638.690.000
Chi phí vận chuyển, cước tàu	940.539.310	148.259.423
Khác	3.990.917.109	1.229.091.443
	114.814.455.639	44.908.504.091

- (i) Đây là khoản chi phí thuế chống bán phá giá áp dụng khi Công ty và công ty con xuất khẩu tôm sang thị trường Mỹ theo yêu cầu của luật thuế chống bán phá giá của Bộ Thương mại Mỹ, được Công ty ước tính và trích trước vào chi phí khi xuất khẩu tôm vào thị trường Mỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 năm 2023 đến ngày kết thúc năm tài chính này.

Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đã hoàn tất thỏa thuận với bên Nguyên đơn để chấm dứt việc kiện chống Công ty bán phá giá cho đợt rà soát hành chính ("POR") lần thứ 18 cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến ngày 31 tháng 01 năm 2023 ("POR 18" hoặc "POR 2022-2023"). Theo đó, Công ty chỉ phải trả chi phí thỏa thuận và không phải trả thêm bất kỳ chi phí thuế chống bán phá giá nào khác cho giai đoạn này.

Thuế suất chống bán phá giá sau cùng áp dụng cho Công ty và công ty con cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 năm 2023 đến ngày 31 tháng 01 năm 2024 ("POR 19" hoặc "POR 2023-2024") và giai đoạn sau đó đến ngày kết thúc năm tài chính này chưa được xác định. Công ty và Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An - công ty con của Công ty đang trích lập dự phòng thuế chống bán phá giá cho các giai đoạn này với thuế suất 4,58%, là thuế suất theo POR gần nhất bị áp thuế chống bán phá giá (POR 12 cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 năm 2016 đến ngày 31 tháng 01 năm 2017). Do vậy, số thuế phải trả và chi phí thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của Bộ Thương mại Mỹ.

- (ii) Phản ánh giá trị thuế chống trợ cấp được Công ty và Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An - công ty con của Công ty ghi nhận vào chi phí, áp dụng khi xuất khẩu tôm sang thị trường Mỹ theo yêu cầu của luật thuế chống trợ cấp của Bộ Thương mại Mỹ cho giai đoạn 4 tháng kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2024 - ngày ban hành kết luận sơ bộ và từ ngày 18 tháng 12 năm 2024 - ngày có thông báo đến các bên liên quan sau khi ban hành kết luận cuối cùng đến ngày kết thúc năm tài chính này. Công ty và công ty con đang nộp thuế chống trợ cấp cho giai đoạn này với thuế suất 2,84% theo kết luận sơ bộ và kết luận cuối cùng.

19. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	VND Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng (i)	258.368.149.426	258.368.149.426	3.181.342.076.548	2.678.142.525.681	(1.385.657.985)	760.182.042.308	760.182.042.308
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng (ii)	369.858.322.339	369.858.322.339	1.102.749.361.551	1.330.930.641.994	(278.040.896)	141.399.001.000	141.399.001.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng	195.895.503.984	195.895.503.984	235.118.598.330	431.014.102.314	-	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	-	-	3.536.561.000	3.536.561.000	-	-	-
	824.121.975.749	824.121.975.749	4.522.746.597.429	4.443.623.830.989	(1.663.698.881)	901.581.043.308	901.581.043.308



(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng như sau:

Đối tượng vay	Hợp đồng	Số dư cuối năm		Ngày đáo hạn và thông tin lãi suất	Tài sản đảm bảo
		Nguyên tệ	Quy đổi VND		
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	Hợp đồng cho vay hạn mức số 005/24/HDHM/ST/CRC1	378.430.000.000 VND	378.430.000.000 VND	Đến hết ngày 26 tháng 02 năm 2025. Thời hạn cho vay không quá 6 tháng. Lãi suất 3,1%/năm	- Tài sản cố định hữu hình gắn liền trên đất của Công ty - Hàng tồn kho và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty (ngoại trừ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang) - Quyền đòi nợ các khoản phải thu từ các hợp đồng thương mại của Công ty
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An	Hợp đồng cấp tín dụng số 059/24/HDCTD/ST/CRC1	381.752.042.308 VND	381.752.042.308 VND	Đến hết ngày 29 tháng 8 năm 2025. Thời hạn cho vay không quá 6 tháng. Lãi suất từ 3,0%/năm đến 3,4%/năm.	- Tài sản cố định hữu hình gắn liền trên đất của Công ty - Hàng tồn kho và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Khang An (ngoại trừ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang) - Quyền đòi nợ các khoản phải thu từ các hợp đồng thương mại của Khang An - Bảo lãnh chính thức không hủy ngang của Công ty cho Khang An

(ii) Chi tiết khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng như sau:

Đối tượng vay	Hợp đồng	Số dư cuối năm		Ngày đáo hạn và thông tin lãi suất	Tài sản đảm bảo
		Nguyên tệ	Quy đổi VND		
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	Hợp đồng cho vay hạn mức số 87480/2024-HDCVTHM/NHCT822-FIMEXVN	5.625.000 USD	141.399.001.000 VND	Đến hết ngày 09 tháng 10 năm 2025. Thời hạn cho vay không quá 6 tháng. Lãi suất 3%/năm - 3,6%/năm	- Tài sản cố định hữu hình gắn liền trên đất của Công ty; - Hàng thủy sản tồn kho luân chuyển (ngoại trừ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang) của Công ty (tại kho Công ty, nhà máy Tin An và nhà máy Sao Ta);

20. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	55.225.464.477	29.890.909.397
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	39.723.386.414	41.934.221.463
Chi quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	(49.016.431.657)	(16.599.666.383)
Số dư cuối năm	45.932.419.234	55.225.464.477

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trợ cấp thôi việc phải trả	10.860.817.250	9.486.924.250
	10.860.817.250	9.486.924.250

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023					
Số dư đầu năm trước	653.888.890.000	593.681.126.002	676.372.777.269	192.118.730.943	2.116.061.524.214
Lợi nhuận trong năm	-	-	276.067.089.402	26.269.241.764	302.336.331.166
Thay đổi lợi ích giữa các bên	-	-	-	326.691.920	326.691.920
Chia cổ tức	-	-	(130.777.778.000)	(11.872.000.000)	(142.649.778.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(40.494.836.176)	(1.439.385.287)	(41.934.221.463)
Số dư cuối năm trước	653.888.890.000	593.681.126.002	781.167.252.495	205.403.279.340	2.234.140.547.837
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Số dư đầu năm nay	653.888.890.000	593.681.126.002	781.167.252.495	205.403.279.340	2.234.140.547.837
Lợi nhuận trong năm	-	-	305.700.512.414	116.915.516.131	422.616.028.545
Chia cổ tức (i)	-	-	(130.777.778.000)	(20.352.000.000)	(151.129.778.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	(35.959.156.986)	(3.764.229.428)	(39.723.386.414)
Số dư cuối năm nay	653.888.890.000	593.681.126.002	920.130.829.923	298.202.566.043	2.465.903.411.968

(i) Phản ánh số cổ tức đã chia trong năm, chi tiết như sau:

- Công ty đã chia cổ tức năm 2023 bằng tiền theo tỷ lệ 20%/mệnh giá (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ.HĐQT.24 ngày 23 tháng 4 năm 2024; và
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An – công ty con của Công ty đã chia cổ tức năm 2023 bằng tiền cho cổ đông không kiểm soát theo tỷ lệ 12%/mệnh giá (tương đương 1.200 VND/cổ phần) theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 01/NQ.HĐQT.24 ngày 12 tháng 01 năm 2024 và được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ.ĐHĐCĐ.24 ngày 19 tháng 4 năm 2024.

(ii) Phản ánh số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty số 024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 và của Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An số 01/NQ.ĐHĐCĐ.24 ngày 19 tháng 4 năm 2024.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	65.388.889	65.388.889
Cổ phiếu phổ thông	65.388.889	65.388.889
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.388.889	65.388.889
Cổ phiếu phổ thông	65.388.889	65.388.889

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 24 ngày 12 tháng 01 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 653.888.890.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	246.846.780.000	37,75	246.846.780.000	37,75
Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P. Việt Nam	162.818.330.000	24,90	162.818.330.000	24,90
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	80.890.000.000	12,37	80.890.000.000	12,37
Cổ đông khác	163.333.780.000	24,98	163.333.780.000	24,98
Tổng cộng	653.888.890.000	100,00	653.888.890.000	100,00

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	3.052.779	591.296
Yên Nhật (JPY)	228.520	37.338
Euro (EUR)	134	144

24. DOANH THU BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng		
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng thủy sản	6.779.387.819.843	4.929.900.778.039
Doanh thu bán hàng nông sản	140.868.925.725	159.180.229.655
	6.920.256.745.568	5.089.081.007.694
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	7.444.559.030	1.611.783.779
Giảm giá hàng bán	188.697.380	76.224.000
	7.633.256.410	1.688.007.779
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 32)	4.661.623.000	3.058.581.750

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng thủy sản	6.062.653.683.349	4.479.464.609.749
Giá vốn hàng nông sản	98.289.357.224	115.004.196.671
	6.160.943.040.573	4.594.468.806.420

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.910.133.115.165	4.053.532.772.447
Chi phí nhân công	786.384.222.952	605.855.624.982
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	183.806.166.364	154.278.778.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	261.498.296.318	186.239.800.557
Chi phí khác bằng tiền	291.882.708.475	162.613.006.063
	6.433.704.509.274	5.162.519.982.459

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	88.505.040.310	51.982.755.069
Lãi tiền gửi và lãi cho vay	23.632.516.527	19.280.185.824
Lãi từ chuyển nhượng vốn	-	1.673.308.080
	112.137.556.837	72.936.248.973

Trong đó: Doanh thu tài chính với các bên liên quan
(chi tiết tại Thuyết minh số 32)

2.164.054.795 **5.038.479.453**

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	23.192.064.018	28.215.238.714
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	30.051.146.373	33.242.652.725
	53.243.210.391	61.457.891.439

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí vận chuyển	163.028.414.663	80.125.307.809
Chi phí thuế chống bán phá giá (i)	61.082.517.534	(5.865.189.585)
Trong đó:		
- Trích trước chi phí thuế chống bán phá giá cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 năm 2023	61.082.517.534	41.892.463.225
- (Hoàn nhập) chi phí thuế chống bán phá giá cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến ngày 31 tháng 01 năm 2023 theo POR 18	-	(47.757.652.810)
Chi phí thuế chống trợ cấp (ii)	7.140.427.455	-
Chi phí hoa hồng	1.556.473.644	7.570.468.912
Chi phí nhân viên	5.366.348.467	4.457.808.865
Khác	58.825.997.835	35.495.663.523
	297.000.179.598	121.784.059.524
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	56.457.874.338	46.388.768.860
Thuế và phí	9.914.298.199	8.533.532.986
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.654.418.948	4.086.275.937
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.617.934.982	3.826.670.346
Khác	15.813.281.184	16.144.608.389
	91.457.807.651	78.979.856.518

(i) Phản ánh giá trị thuế chống bán phá giá được trích trước và/hoặc hoàn nhập trong năm, như chi tiết tại Thuyết minh số 18.

(ii) Phản ánh giá trị thuế chống trợ cấp được trích trước trong năm, như chi tiết tại Thuyết minh số 18.

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành chỉ bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành và được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	421.810.405.344	304.595.891.499
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	51.796.200.894	2.896.655.091
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.424.826.772	2.702.949.866
- Các khoản chênh lệch tạm thời	47.371.374.122	-
- Thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp	-	193.705.225
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	6.263.197.452
- Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời năm trước	-	6.263.197.452
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	473.606.606.238	301.229.349.138
Thu nhập được miễn thuế	435.713.917.480	285.885.418.640
Thu nhập được ưu đãi thuế 10%	36.470.235.386	14.355.455.070
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	1.422.453.372	988.475.428
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.931.514.213	1.633.240.589

Theo Các quy định hiện hành về thuế, Công ty và các công ty con được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với hoạt động hàng nông sản và thủy sản ở vùng đặc biệt khó khăn, Công ty và các công ty con được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong suốt thời gian hoạt động;
- Đối với hoạt động hàng thủy sản ở vùng khó khăn, Công ty được hưởng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động.

Các thu nhập phát sinh từ các hoạt động kinh doanh còn lại của Công ty và các công ty con chịu thuế suất thông thường 20%.

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ (VND)	305.700.512.414	276.067.089.402
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(35.959.156.986)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	305.700.512.414	240.107.932.416
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	65.388.889	65.388.889
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.675	3.672

Số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty và Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An (như trình bày tại Thuyết minh số 22), cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ (VND)	276.067.089.402	276.067.089.402
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(35.959.156.986)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	276.067.089.402	240.107.932.416
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	65.388.889	65.388.889
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.222	3.672

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, chỉ tiêu "Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông" có thể điều chỉnh giảm, dẫn đến việc "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" giảm tương ứng.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN
 Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P. Việt Nam
 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre
 Công ty Cổ phần Chế biến hàng Xuất khẩu Long An
 Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang
 Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN
 Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao Việt Nam
 Ông Hồ Quốc Lực

Mối quan hệ

Công ty mẹ tối cao/Cổ đông lớn
 Cổ đông lớn
 Cổ đông lớn, Công ty trong cùng tập đoàn
 Công ty trong cùng tập đoàn
 Công ty trong cùng tập đoàn
 Công ty trong cùng tập đoàn
 Bên liên quan của Cổ đông lớn
 Chủ tịch

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	4.661.623.000	3.058.581.750
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	4.661.623.000	3.058.581.750
Mua hàng hóa và dịch vụ	488.154.807.063	323.823.616.647
Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P. Việt Nam	376.690.314.350	263.377.652.386
Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao Việt Nam	110.966.814.000	59.963.473.550
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	268.954.955	263.148.148
Công ty Cổ phần Chế biến hàng Xuất khẩu Long An	228.723.758	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	-	219.342.563
Chia cổ tức	98.111.022.000	98.111.022.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	49.369.356.000	49.369.356.000
Công ty CP Chăn nuôi C.P. Việt Nam	32.563.666.000	32.563.666.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	16.178.000.000	16.178.000.000
Cho vay	-	217.000.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	-	217.000.000.000
Thu hồi tiền cho vay	217.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	217.000.000.000	-
Lãi cho vay	2.164.054.795	5.038.479.453
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	2.164.054.795	5.038.479.453
Chuyển nhượng vốn góp	-	2.000.000.000
Ông Hồ Quốc Lực	-	2.000.000.000

Số dư chủ yếu với bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	4.352.632.274
Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao Việt Nam	-	4.352.632.274
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	217.000.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	-	217.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	-	5.038.479.453
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	-	5.038.479.453
Phải trả người bán ngắn hạn	2.888.871.351	1.151.200.000
Công ty CP Chăn nuôi C.P. Việt Nam	2.598.400.000	867.000.000
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	290.471.351	284.200.000



Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác, Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

Thù lao, lương và các khoản thu nhập khác của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác, Ban Kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 cụ thể như sau:

STT Họ và tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
1 Ông Hồ Quốc Lực	Chủ tịch	2.054.503.000	2.173.391.000
2 Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch	584.000.000	692.000.000
3 Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	1.997.933.000	2.061.351.000
4 Ông Tô Minh Chăng	Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2024)/ Kế toán trưởng	1.438.423.000	1.375.607.000
5 Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên HĐQT độc lập	358.000.000	408.000.000
6 Ông Adisak Torsakul	Thành viên HĐQT độc lập (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2024)	277.000.000	358.000.000
7 Ông Boonlap Watcharawanitchakul	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2024)	81.000.000	-
8 Bà Triệu Mai Lan	Thư ký HĐQT	657.513.000	641.557.000
9 Bà Lưu Nguyễn Trúc Dung	Trưởng BKS	864.631.000	912.981.000
10 Ông Lý Thái Hưng	Thành viên BKS	746.975.000	804.085.000
11 Bà Lý Thị Kim Yến	Thành viên BKS	204.000.000	204.000.000
12 Ông Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	1.525.161.000	1.362.926.000
13 Ông Mã Ích Hưng	Phó Tổng Giám đốc	1.220.566.000	1.223.161.000
14 Bà Lê Ngọc Hương	Phó Tổng Giám đốc	1.056.753.000	1.059.191.000
15 Ông Nguyễn Mộc Khiêm	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2024)	466.291.000	-
16 Ông Đinh Văn Thới	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2023)	-	667.452.000
		13.532.749.000	13.943.702.000

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản (“thủy sản”); mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản (“nông sản”). Trong đó, doanh thu, lợi nhuận và tổng tài sản của hoạt động thủy sản chiếm trên 95% trong tổng doanh thu, lợi nhuận và tổng tài sản của hợp nhất của Công ty. Đồng thời, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con và được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Công ty có xuất khẩu thành phẩm đến một số quốc gia như Nhật Bản, Mỹ... nhưng không ảnh hưởng đáng kể đến cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty. Do đó, Ban Tổng giám đốc nhận định Công ty và các công ty con chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh - thủy sản và khu vực địa lý - Việt Nam. Theo đó, Công ty quyết định không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu và giá vốn của thủy sản và nông sản được trình bày tại Thuyết minh số 24 và 25.

30-09-2024
HÀNH
TƯ TÀI
TOÁN
DỊTTI
NAN
HỒ CH

34. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
Từ 1 năm trở xuống	2.663.326.952	2.094.436.617
Trên 1 năm đến 5 năm	11.661.444.080	8.561.177.508
Trên 5 năm	95.493.299.251	95.840.828.923
	109.818.070.282	106.496.443.048

Các khoản thuê hoạt động này phản ánh các hợp đồng thuê đất của Công ty.

Cam kết liên quan chi phí đầu tư lớn

Công ty có ký kết các hợp đồng mua sắm máy móc thiết bị với nghĩa vụ cam kết trong tương lai được thể hiện như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Máy móc chờ lắp đặt	10.293.451.137	8.371.985.880
Khác	-	346.381.049
	10.293.451.137	8.718.366.929

Bảo lãnh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã đứng ra bảo lãnh cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An - công ty con của Công ty, tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng.

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 18.482.575.277 VND (2023: 12.668.714.070 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia không bao gồm 3.860.200.128 VND (năm 2023: 7.418.636.811 VND), là số lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh trong năm mà chưa thu. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Số tiền đi vay thực thu và gốc vay thực trả trong năm

Tiền thu từ đi vay và tiền trả nợ gốc vay không bao gồm 3.320.798.281.634 VND (năm 2023: 0 VND) là số tiền thu và thanh toán các khoản vay có thời hạn vay dưới 3 tháng.

Lý Thị Thu Hồng
Người lập biểu

Tô Minh Chẳng
Kế toán trưởng

Phạm Hoàng Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2025